

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

**Sinh viên : Bùi Vân Oanh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Tình**

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
TÍN DỤNG HỘ SẢN XUẤT TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM CHI NHÁNH
HUYỆN VÂN ĐỒN - QUẢNG NINH**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

**Sinh viên : Bùi Vân Oanh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Tình**

HẢI PHÒNG – 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Văn Oanh

Mã SV: 1112404039

Lớp: QT1502T

Ngành: Tài chính – Ngân hàng

Tên đề tài: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín

dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát
triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Vân Đồn

- Quảng Ninh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Chương 1: Những lý luận cơ bản về NHTM, hiệu quả hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất tại NHTM

Chương 2: Thực trạng tín dụng và hiệu quả tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Vân Đồn.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Vân Đồn - Quảng Ninh.

2. Các số liệu cần thiết đề thiết kế, tính toán.

- Sơ đồ mô hình tổ chức của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Vân Đồn - Quảng Ninh.
- Báo cáo tài chính của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Vân Đồn - Quảng Ninh các năm 2012, 2013, 2014
- Báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Vân Đồn - Quảng Ninh qua các năm 2012, 2013, 2014.
- Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn qua các năm 2012, 2013, 2014.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Vân Đồn - Quảng Ninh. Địa chỉ: khu 5, thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn - Quảng Ninh.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng của hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Vân Đồn - Quảng Ninh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NHTM, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TẠI NHTM.	4
1.1. Tổng quan nghiệp vụ tín dụng của NHTM	4
1.1.1. Khái niệm tín dụng của NHTM	4
1.1.2. Đặc điểm tín dụng của NHTM.....	4
1.1.3. Sự ra đời của tín dụng ngân hàng.....	4
1.1.4. Vai trò của tín dụng ngân hàng đối với nền kinh tế.....	5
1.1.4.1. Tín dụng Ngân hàng đáp ứng nhu cầu về vốn cho nền kinh tế là người trung gian điều hoà quan hệ cung cầu về vốn trong nền kinh tế, hoạt động tín dụng đã thông dòng cho vốn chảy từ nơi thừa vốn đến nơi thiếu vốn .	5
1.1.4.2. Tín dụng ngân hàng tạo ra nguồn vốn hỗ trợ cho quá trình sản xuất được thực hiện bình thường liên tục và phát triển nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình tái sản xuất mở rộng, đầu tư phát triển kinh tế, mở rộng phạm vi quy mô sản xuất.....	6
1.1.4.3. Tín dụng ngân hàng thúc đẩy việc sử dụng vốn có hiệu quả và củng cố chế độ hoạch toán kinh tế	6
1.1.4.4, Tín dụng Ngân hàng tạo điều kiện mở rộng và phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại.....	7
1.1.5. Phân loại tín dụng của NHTM	7
1.1.5.1. Theo thời hạn tín dụng	8
1.1.5.2. Theo mục đích vay	8
1.1.5.3. Căn cứ vào phương pháp hoàn trả	8
1.1.5.4. Căn cứ vào mức độ đảm bảo tiền vay trong quan hệ tín dụng đối với khách hàng.....	8
1.1.5.5. Theo đối tượng tham gia quy trình tín dụng	9
1.1.5.6. Theo phương thức tín dụng	9
1.1.5.7. Căn cứ vào đối tượng tín dụng.....	10
1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng của Ngân hàng	10
1.2.1. Các nhân tố khách quan	10
1.2.2. Các nhân tố chủ quan	12
1.3 Hiệu quả tín dụng đối với hộ sản xuất	13

1.3.1. Tổng quan hộ sản xuất	13
1.3.1.1. Khái niệm hộ sản xuất.....	13
1.3.1.2. Vai trò của hộ sản xuất trong nền kinh tế thị trường	14
1.3.2. Hiệu quả tín dụng đối với hộ sản xuất	14
1.3.2.1. Sự cần thiết của tín dụng đối với hộ sản xuất	14
1.3.2.2. Hiệu quả tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất.....	16
1.3.2.3. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tín dụng đối với hộ sản xuất	17
1.4. Ý nghĩa việc nâng cao hiệu quả tín dụng đối với hộ sản xuất	22
1.4.1. Cung cấp nguồn tài chính đáp ứng nhu cầu cho hộ sản xuất, góp phần phát triển kinh tế.....	22
1.4.2. Góp phần thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất, tạo khả năng sinh lời	22
1.4.3. Tạo điều kiện phát huy các ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới, tạo điều kiện phát triển lượng hàng hóa lưu thông, giải quyết việc làm cho người lao động.....	23
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TÍN DỤNG VÀ HIỆU QUẢ TÍN DỤNG HỘ SẢN XUẤT TẠI NHNo&PTNT CHI NHÁNH HUYỆN VÂN ĐỒN - QUẢNG NINH	24
2.1. Tổng quan quá trình hình thành và phát triển của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Vân Đồn - Quảng Ninh.....	24
2.1.1. Một số nét về đặc điểm kinh tế xã hội huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh – Môi trường hoạt động của NH No & PTNT Vân Đồn	24
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của NH No&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn.....	24
2.1.3. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn	26
2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.....	26
2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ chung của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.....	29
2.1.3.3. Tổng quan hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014.....	29
2.1.3.4. Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.....	32

2.2. Tổng quan hoạt động tín dụng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ những năm 2012, 2013, 2014.....	33
2.2.1. Hoạt động huy động vốn.....	34
2.2.2. Nghiệp vụ tín dụng (cho vay).....	36
2.2.2.1. Kết quả nghiệp vụ tín dụng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.....	36
2.2.2.2. Tình hình nợ quá hạn	39
2.3. Thực trạng tín dụng hộ sản xuất kinh doanh tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn	40
2.3.1. Quan hệ với khách hàng.....	40
2.3.2. Tình hình tín dụng, thu nợ, dư nợ hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.....	42
2.3.2.1. Diễn biến doanh số tín dụng hộ sản xuất	43
2.3.2.2. Diễn biến doanh số thu nợ hộ sản xuất	49
2.3.2.3. Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất.....	55
2.3.3. Tình hình hiệu quả tín dụng h sản xuất tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn	60
2.3.3.1. Thực trạng nợ quá hạn.....	60
2.3.3.2. Vòng quay vốn tín dụng.....	62
2.4. Đánh giá chung về hiệu quả tín dụng hộ sản xuất tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.....	63
2.4.1. Những kết quả đạt được	63
2.4.2. Những mặt còn tồn tại.....	64
2.4.3. Nguyên nhân của tồn tại.....	65
2.4.3.1. Nguyên nhân khách quan.....	65
2.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan.....	65
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TẠI NHNo&PTNT HUYỆN VÂN ĐỒN - QUẢNG NINH.....	67
3.1. Phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015 – 2020.....	67
3.1.1. Mục tiêu tổng quát	67
3.1.2. Mục tiêu chính trong nhiệm kỳ tới.....	67
3.2. Định hướng công tác tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh.	68

3.3.Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng hộ sản xuất tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.....	69
3.3.1.Đảm bảo nguyên tắc và quy trình tín dụng	69
3.3.2.Xác định nhóm khách hàng chiến lược.....	70
3.3.3.Áp dụng các biện pháp phân tích hoạt động kinh tế trong quy trình tín dụng.....	71
3.3.4.Phòng ngừa, hạn chế rủi ro	72
3.3.5.Duy trì mối quan hệ thường xuyên giữa NH với khách hàng.....	73
3.3.6.Công tác kiểm tra, kiểm toán	74
3.3.7.Nâng cao trình độ cán bộ tín dụng.	75
3.4. Một số điều kiện thực hiện giải pháp nâng cao hiệu quả tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.	76
3.4.1.Có sự phối hợp của cấp ủy, chính quyền địa phương và các đoàn thể.....	76
3.4.2.Có chế độ ưu đãi lãi suất và các sản phẩm khuyến khích.....	76
3.5.Một số đề xuất, kiến nghị.....	77
3.5.1.Kiến nghị đối với NHNo&PTNT Việt Nam.....	77.
3.5.2.Kiến nghị đối với NHNo&PTNT huyện Vân Đồn	77
3.5.3.Kiến nghị đối với chính quyền địa phương.....	77
KẾT LUẬN	79

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	NHNo&PTNT
2	Ngân hàng Nhà Nước	NHNN
3	Ngân hàng thương mại	NHTM
4	Cán bộ tín dụng	CBTD
5	Ngân hàng	NH
6	Hộ sản xuất	HSX
7	Dự phòng rủi ro tín dụng	DP RDTD
8	Ủy ban Nhân dân	UBND
9	Tài sản cố định	TSCĐ
10	Công cụ lao động	CCLĐ

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hành chính NHNo&PTNT huyện Vân Đồn	27
Biểu đồ 1: Số hộ có quan hệ vay vốn với NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	41
Biểu đồ 2: Doanh số tín dụng hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	44
Biểu đồ 3: Doanh số tín dụng hộ sản xuất theo thời gian của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	45
Biểu đồ 4: Doanh số tín dụng hộ sản xuất theo thành phần kinh tế của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	47
Biểu đồ 5: Doanh số thu nợ hộ sản xuất theo thời gian của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	51
Biểu đồ 6: Doanh số thu nợ hộ sản xuất theo thành phần kinh tế của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	53
Biểu đồ 7: Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất theo thời gian của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	57
Biểu đồ 8: Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất theo ngành nghề của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012 – 2014	59
Biểu đồ 9: Dư nợ quá hạn hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	62

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014.....	31
Bảng 2: Tổng nguồn vốn huy động năm 2012, 2013 và năm 2014.....	35
Bảng 3: Tình hình dư nợ giai đoạn 2012, 2013 và năm 2014.....	37
Bảng 4: Tình hình dư nợ quá hạn, nợ xấu từ năm 2012 – 2014	39
Bảng 5: Quan hệ khách hàng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	40
Bảng 6: Tình hình tín dụng, thu nợ, dư nợ hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	42
Bảng 7: Doanh số tín dụng hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	43
Bảng 8: Doanh số tín dụng hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn theo thời gian từ năm 2012 – 2014	44
Bảng 9: Doanh số tín dụng của hộ sản xuất theo thành phần kinh tế tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	46
Bảng 10: Doanh số thu nợ tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn của hộ sản xuất từ năm 2012 – 2014	49
Bảng 11: Doanh số thu nợ của hộ sản xuất tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	50
Bảng 12: Doanh số thu nợ hộ sản xuất theo thành phần kinh tế tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014	51
Bảng 13: Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012 – 2014.....	55
Bảng 14: Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất theo thời gian của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012 – 2014	56
Bảng 15: Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất theo ngành nghề của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012 – 2014	58
Bảng 16: Tình hình nợ quá hạn HSX của NHNo&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014.....	61
Bảng 17: Vòng quay vốn tín dụng HSX giai đoạn 2012 – 2014	62

LỜI CẢM ƠN

Qua gần hai tháng nỗ lực phấn đấu, cuối cùng với sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô, các cô chú, các anh chị và bạn bè em đã hoàn tất chuyên đề tốt nghiệp này. Qua đây em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô giáo, ThS. Nguyễn Thị Tình - người đã tận tình truyền đạt những kiến thức trong quá trình thực tập và trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo những kinh nghiệm quý báu để em hoàn thành tốt báo cáo.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn tới các thầy cô trong khoa Quản Trị Kinh Doanh, ngành Tài chính- Ngân hàng đã nhiệt tình truyền đạt cho em những kiến thức trong những năm học vừa qua tại ngôi trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn tới các cô chú và anh chị tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Vân Đồn – tỉnh Quảng Ninh đã nhiệt tình giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt thời gian thực tập.

Em xin chân thành cảm ơn bố mẹ và những người thân yêu quý đã luôn ở bên cạnh động viên và giúp đỡ em học tập làm việc và hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển kinh tế là mục tiêu cho tất cả các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Với chủ trương đổi mới chuyên từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, nền kinh tế của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, để hoàn thành công cuộc “Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá” mà Đảng và Nhà nước đã đề ra chúng ta còn nhiều thách thức trong đó có việc đáp ứng nhu cầu về vốn cho đầu tư và phát triển. Kênh dẫn vốn chính cho nền kinh tế trong nước là hệ thống Ngân hàng. Do đó, muốn thu hút được nhiều vốn trước hết phải làm tốt công tác tín dụng.

Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, kinh tế hộ sản xuất chiếm vị trí vô cùng quan trọng, để mở rộng quy mô và đổi mới trang thiết bị cũng như tham gia vào các quan hệ kinh tế khác thì hộ sản xuất đều cần vốn và tín dụng Ngân hàng chính là nguồn cung cấp vốn đáp ứng nhu cầu đó.

Là một Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế nói chung và phát triển nông nghiệp nông thôn ở nước ta nói riêng, mở ra quan hệ tín dụng trực tiếp với hộ sản xuất, đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của các hộ sản xuất để không ngừng phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, có được kết quả đó phải kể đến sự đóng góp của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Vân Đồn, một trong những chi nhánh trực thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh.

Xuất phát từ những luận cứ và thực tế khảo sát tín dụng nói chung và tín dụng đối với hộ sản xuất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Vân Đồn em mạnh dạn chọn đề tài: ***" Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh"*** làm đề tài khoá luận tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Đánh giá thực trạng công tác tín dụng hộ sản xuất của ngân hàng, từ đó đưa ra những giải pháp và một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Huyện Vân Đồn – Tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về tín dụng và hiệu quả tín dụng Hộ sản xuất.
- Đánh giá thực trạng tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Vân Đồn – tỉnh Quảng Ninh trong những năm gần đây.
- Đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Vân Đồn – tỉnh Quảng Ninh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: Tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng No&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn – tỉnh Quảng Ninh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi thời gian: Số liệu thu thập từ năm 2012 đến năm 2014.
- Phạm vi không gian: Đề tài được nghiên cứu tại Ngân hàng No&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn – tỉnh Quảng Ninh.
- Phạm vi nội dung: Công tác tín dụng hộ sản xuất của Ngân hàng No&PTNT

4. Kết cấu của khóa luận tốt nghiệp

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và phần phụ lục, khóa luận được chia thành 3 chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về NHTM, hiệu quả hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất tại NHTM.

Chương 2: Thực trạng tín dụng và hiệu quả tín dụng hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Vân Đồn.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Vân Đồn - Quảng Ninh.

Mặc dù có rất nhiều cố gắng, song do tính chất phức tạp của đề tài mà kiến thức thực tế còn hạn chế nên khoá luận của em sẽ không tránh khỏi những tồn tại. Vì vậy, với mong muốn hoàn thiện và hoàn thiện hơn nữa khoá luận của mình, đáp ứng được những đòi hỏi về mặt lý luận và mặt thực tiễn em rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo ThS Nguyễn Thị Tình, các cô (chú) cán bộ, nhân viên của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn đã hướng dẫn, chỉ bảo tận tình giúp em hoàn thành chuyên đề này.

CHƯƠNG 1

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NHTM, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TẠI NHTM

1.1. Tổng quan nghiệp vụ tín dụng của NHTM.

1.1.1 Khái niệm tín dụng của NHTM

Tín dụng là phương thức tài trợ có tính truyền thống của Ngân hàng. Hình thức biểu hiện cụ thể là: Ngân hàng chuyển tiền trực tiếp cho khách hàng sử dụng theo yêu cầu hoặc mục đích tiêu dùng của khách hàng khi khách hàng đáp ứng được các yêu cầu của Ngân hàng đặt ra, sau một thời gian sử dụng phải hoàn trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi.

1.1.2. Đặc điểm

Ngân hàng đáp ứng cho tất cả các khách hàng sử dụng vốn nhưng khách hàng phải đáp ứng được các điều kiện của Ngân hàng đặt ra. Quy mô của các hợp đồng tín dụng từ nhỏ đến lớn, với nhu cầu vay nhỏ đến các dự án lớn mức rủi ro cao hay thấp, mức thu hồi vốn như thế nào, tài sản thế chấp và uy tín của khách hàng ra sao sẽ ảnh hưởng đến mức lãi suất ngân hàng qui định cụ thể. Ngoài ra với thời gian sử dụng vốn khác nhau thì lãi suất cũng sẽ khác nhau.

1.1.3. Sự ra đời của tín dụng ngân hàng:

Tín dụng là một phạm trù kinh tế gắn liền với nền kinh tế hàng hoá, sự ra đời và vận động của tín dụng được bắt nguồn từ đặc điểm của sự chu chuyển vốn tiền tệ và sự cần thiết sinh lợi của vốn tạm thời nhàn rỗi cũng như nhu cầu về vốn nhưng chưa tích lũy được, trong cùng một thời điểm đã hình thành một quan hệ cung cầu về tiền tệ giữa một bên là người thiếu vốn (đi vay) và một bên là người thừa vốn (cho vay).

Tín dụng có nghĩa là sự vay mượn, sự chuyển nhượng tạm thời một lượng giá trị từ người sở hữu sang người sử dụng và sau một thời gian nhất định được quay trở lại với người sở hữu với một lượng giá trị lớn hơn giá trị ban đầu (số giá trị dôi ra đó chính là lãi trong cho vay) với những điều kiện mà hai bên đã thoả thuận với nhau.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế xã hội, hoạt động tín dụng không ngừng phát triển và hoàn thiện trở thành hình thức tín dụng ngân hàng. Trong nền kinh tế thị trường, Ngân hàng là trung gian tín dụng giữa tiết kiệm và đầu tư, giữa người đi vay và người cho vay. Vì vậy, tín dụng ngân hàng là quan hệ tín dụng bằng tiền giữa một bên là ngân hàng - tổ chức kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ với một bên vừa là người đi vay, vừa là người cho vay.

Sự ra đời của tín dụng Ngân hàng có tác động quyết định đến sự phát triển của quá trình tái sản xuất xã hội, thúc đẩy lực lượng sản xuất góp phần quan trọng trong việc phục hồi và phát triển kinh tế của các nước trên thế giới.

1.1.4. Vai trò của tín dụng ngân hàng đối với nền kinh tế.

Sản xuất phát triển mạnh sẽ thúc đẩy nền kinh tế hàng hoá phát triển ở mỗi quốc gia trên thế giới. Song để cho quá trình sản xuất được mở rộng và ngày càng hoàn thiện phải nói đến vai trò to lớn của tín dụng Ngân hàng.

1.1.4.1. Tín dụng Ngân hàng đáp ứng nhu cầu về vốn cho nền kinh tế là người trung gian điều hoà quan hệ cung cầu về vốn trong nền kinh tế, hoạt động tín dụng đã thông dòng cho vốn chảy từ nơi thừa vốn đến nơi thiếu vốn.

Ngân hàng ra đời gắn liền với sự vận động trong quá trình sản xuất và lưu thông hàng hoá. Nền sản xuất hàng hoá phát triển nhanh chóng đã thúc đẩy hàng hoá - tiền tệ ngày càng sâu sắc, phức tạp và bao trùm lên mọi sinh hoạt kinh tế xã hội. Mặt khác, chính sản xuất và lưu thông hàng hoá ra đời và được mở rộng sẽ kéo theo sự vận động vốn và là nền tảng tạo nên những tổ chức kinh doanh tiền tệ đầu tiên mang những đặc trưng của một ngân hàng.

Vì vậy, chúng ta thấy rằng còn tồn tại quan hệ hàng hoá tiền tệ thì hoạt động tín dụng không thể mất đi mà trái lại ngày càng phát triển một cách mạnh mẽ. Bởi trong nền kinh tế, tại một thời điểm tất yếu sẽ phát sinh hai loại nhu cầu là người thừa vốn cho vay để hưởng lãi và người thiếu vốn đi vay để tiến hành sản xuất kinh doanh. Hai loại nhu cầu này ngược nhau nhưng cũng chung một đối tượng đó là tiền, chung nhau về tính tạm thời và cả hai bên đều thoả mãn nhu cầu và đều có lợi. Ngân hàng ra đời với vai trò là nơi hiểu biết rõ nhất về tình hình cân đối giữa cung và cầu vốn trên thị trường như thế nào. Và với hoạt động tín dụng, ngân hàng đã giải quyết được hiện tượng thừa vốn, thiếu vốn này bằng cách huy động mọi nguồn tiền nhàn rỗi để phân phối lại vốn trên nguyên tắc có hoàn trả phục vụ kịp thời cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh...

1.1.4.2. Tín dụng ngân hàng tạo ra nguồn vốn hỗ trợ cho quá trình sản xuất được thực hiện bình thường liên tục và phát triển nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình tái sản xuất mở rộng, đầu tư phát triển kinh tế, mở rộng phạm vi quy mô sản xuất

Hoạt động tín dụng ngân hàng ra đời đã biến các phương tiện tiền tệ tạm thời nhàn rỗi trong xã hội thành những phương tiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả, động viên nhanh chóng nguồn vật tư, lao động và các nguồn lực sẵn có khác đưa vào sản xuất, phục vụ và thúc đẩy sản xuất lưu thông hàng hoá đẩy nhanh quá trình tái sản xuất mở rộng. Mặt khác việc cung ứng vốn một cách kịp thời của tín dụng ngân hàng để đáp ứng được nhu cầu về vốn lưu động, vốn cố định của các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được liên tục tránh tình trạng ứ tắc, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có vốn để ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm thúc đẩy nhanh quá trình sản xuất và tái sản xuất mở rộng từ đó thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh chóng.

1.1.4.3. Tín dụng ngân hàng thúc đẩy việc sử dụng vốn có hiệu quả và củng cố chế độ hạch toán kinh tế.

Đặc trưng cơ bản của tín dụng là cho vay có hoàn trả và có lợi, tức là Ngân hàng huy động vốn của doanh nghiệp khi họ có vốn nhàn rỗi và cho vay khi họ cần vốn để bổ xung cho sản xuất kinh doanh. Khi sử dụng vốn vay của ngân hàng, doanh nghiệp phải tôn trọng mọi điều kiện ghi trong hợp đồng tín dụng, trả nợ vay đúng hạn cả gốc và lãi. Do đó thúc đẩy các doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn, giảm chi phí, tăng vòng quay vốn... để tạo điều kiện nâng cao doanh lợi cho doanh nghiệp. Muốn vậy các doanh nghiệp phải tự vươn lên thông qua các hoạt động của mình, một trong những hoạt động khá quan trọng là hạch toán kinh tế.

Quá trình hạch toán kinh tế là quá trình quản lý đồng vốn sao cho có hiệu quả. Để quản lý đồng vốn có hiệu quả thì hạch toán kinh tế phải giám sát chặt chẽ quá trình sử dụng vốn để nó được sử dụng đúng mục đích, tạo ra doanh lợi cho doanh nghiệp. Điều này đã thúc đẩy các doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện hơn quá trình hạch toán của đơn vị mình.

1.1.4.4. Tín dụng Ngân hàng tạo điều kiện mở rộng và phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại.

Ngày nay sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia luôn luôn gắn quan hệ kinh tế với thị trường thế giới, nền kinh tế “đóng” tự cung tự cấp trước đây nay đã nhường chỗ cho nền kinh tế “mở” phát triển, mở rộng quan hệ kinh tế với các nước trên thế giới.

Một quốc gia được gọi là phát triển thì trước hết phải có một nền kinh tế chính trị ổn định, có vị thế trên thị trường quốc tế, có một lượng vốn lớn trong đó vốn dự trữ ngoại tệ là rất quan trọng. Tín dụng ngân hàng trở thành một trong những phương tiện nối liền kinh tế các nước với nhau bằng các hoạt động tín dụng quốc tế như các hình thức tín dụng giữa các chính phủ, giữa các tổ chức cá nhân với chính phủ, giữa các cá nhân với cá nhân... Sự phát triển ngày càng tăng trong hoạt động ngoại thương và số thành viên tham dự hoạt động ngày càng lớn làm cho nhu cầu về hoạt động tài chính càng trở nên cần thiết.

Vì vậy việc tạo điều kiện thuận lợi về tài chính là một công cụ cạnh tranh có hiệu quả bên cạnh các yếu tố cạnh tranh khác như giá cả, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, thương mại... đã vượt ra khỏi phạm vi của một nước ra phạm vi của thế giới có tác dụng thúc đẩy nền sản xuất mang tính quốc tế hoá, hình thành thị trường khu vực và thị trường thế giới, tạo ra bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác và cạnh tranh giữa các nước với nhau. Như vậy các hình thức thanh toán cũng sẽ đa dạng hơn như thanh toán qua mạng SWIFT, thanh toán LC... mỗi hình thức thanh toán đòi hỏi hình thức tín dụng phù hợp và đảm bảo cho nó an toàn và hiệu quả.

Chất lượng của hoạt động tín dụng ngoại thương là cơ sở để tạo lòng tin cho bạn hàng trong thương mại, tạo điều kiện cho quá trình lưu thông hàng hoá, thắng trong cạnh tranh về thanh toán sẽ dẫn tới thắng lợi của mọi cạnh tranh khác trong hoạt động ngoại thương.

1.1.5. Phân loại tín dụng của NHTM.

Phân loại tín dụng là việc sắp xếp các khoản tín dụng theo từng nhóm dựa trên một số tiêu thức nhất định. Việc phân loại tín dụng có cơ sở khoa học là tiền đề để thiết lập các quy trình tín dụng thích hợp và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng. Phân loại tín dụng dựa vào các căn cứ sau đây:

1.1.5.1. Theo thời hạn tín dụng

- Tín dụng ngắn hạn: Loại tín dụng này có thời hạn tín dụng không quá 12 tháng và được sử dụng để bù đắp sự thiếu hụt vốn lưu động của các doanh nghiệp và các nhu cầu chi tiêu ngắn hạn của cá nhân.
- Tín dụng trung hạn: Là các khoản vay có thời hạn từ một năm đến năm năm. Tín dụng trung hạn chủ yếu được sử dụng để đầu tư mua sắm tài sản cố định, cải tiến hoặc đổi mới thiết bị, công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng các dự án mới có quy mô nhỏ và thời gian thu hồi vốn nhanh. Bên cạnh đầu tư cho tài sản cố định, tín dụng trung hạn còn là nguồn hình thức vốn lưu động thường xuyên của các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp mới thành lập.
- Tín dụng dài hạn: là loại tín dụng có thời hạn trên năm năm. Đây là loại hình được cung cấp để đáp ứng các nhu cầu dài hạn như xây dựng nhà ở, các thiết bị, phương tiện vận tải có quy mô lớn, xây dựng các xí nghiệp mới.

1.1.5.2. Theo mục đích vay

- Tín dụng kinh doanh: là loại tín dụng cấp cho các nhà doanh nghiệp, các chủ thể kinh doanh để tiến hành sản xuất và lưu động hàng hóa.
- Tín dụng tiêu dùng: là loại tín dụng để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của các cá nhân như mua sắm nhà cửa, xe cộ...

1.1.5.3. Căn cứ vào phương pháp hoàn trả

- Tín dụng có thời hạn: Là loại tín dụng có thoả thuận thời hạn trả nợ cụ thể theo hợp đồng.
- Tín dụng không có thời hạn cụ thể: Đối với loại tín dụng này thì NH có thể yêu cầu hoặc người đi vay có thể tự nguyện trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý, thời gian này có thể thoả thuận trong hợp đồng.

1.1.5.4. Căn cứ vào mức độ đảm bảo tiền vay trong quan hệ tín dụng đối với khách hàng

- Tín dụng không có bảo đảm: là loại tín dụng không có tài sản cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh của người thứ ba, mà việc tín dụng chỉ dựa vào uy tín của bản thân khách hàng đó. Đối với những khách hàng tốt, trung thực trong kinh doanh, có khả năng tài chính mạnh, quản trị hiệu quả thì ngân hàng có thể cấp

tín dụng dựa vào uy tín của bản thân kỹ thuật mà không cần một nguồn thu nợ bổ sung thứ hai.

- Tín dụng có bảo đảm: là loại tín dụng dựa trên cơ sở các bảo đảm như thế chấp hoặc cầm cố, hoặc phải có sự bảo lãnh của người thứ ba. Sự bảo đảm này là căn cứ pháp lý để ngân hàng có thêm một nguồn thứ hai, bổ sung cho nguồn thu nợ thứ nhất thiếu chắc chắn.

1.1.5.5. Theo đối tượng tham gia quy trình tín dụng

- Tín dụng trực tiếp: Ngân hàng cấp vốn trực tiếp cho người có nhu cầu, đồng thời người đi vay trực tiếp hoàn trả nợ vay cho ngân hàng.

- Tín dụng gián tiếp: là hình thức tín dụng thông qua các tổ chức trung gian. Ngân hàng tín dụng qua các tổ, đội, hội, nhóm như nhóm sản xuất, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ... Các tổ chức này thường liên kết các thành viên theo một mục đích riêng, song chủ yếu đều hỗ trợ lẫn nhau, bảo vệ quyền lợi cho mỗi thành viên. Ngoài ra NH cũng có thể tín dụng thông qua người bán lẻ các sản phẩm đầu vào của quá trình sản xuất. Việc tín dụng theo cách này sẽ hạn chế người vay sử dụng tiền sai mục đích.

1.1.5.6. Theo phương thức tín dụng

- Tín dụng từng lần: Tín dụng từng lần là hình thức tín dụng tương đối phổ biến của ngân hàng đối với các khách hàng không có nhu cầu vay thường xuyên, không có điều kiện để được cấp hạn mức thấu chi. Một số khách hàng sử dụng vốn chủ sở hữu và tín dụng thương mại là chủ yếu, chỉ khi có nhu cầu thời vụ, hay mở rộng sản xuất đặc biệt mới vay ngân hàng, tức là vốn từ ngân hàng chỉ tham gia vào một số giai đoạn nhất định của chu kỳ sản xuất kinh doanh.

- Tín dụng theo hạn mức: Đây là nghiệp vụ tín dụng theo đó ngân hàng thỏa thuận cấp cho khách hàng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng có thể tính cho cả kỳ hoặc cuối kỳ. Đó là số dư tối đa tại thời điểm tính.

Hạn mức tín dụng được cấp trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu vốn và nhu cầu vay vốn của khách hàng. Trong kỳ khách hàng có thể vay trả nhiều lần, song dư nợ không được vượt quá hạn mức tín dụng. Một số trường hợp ngân hàng quy định hạn mức cuối kỳ. Dư nợ trong kỳ có thể lớn hơn hạn mức. Tuy nhiên đến cuối kỳ, khách hàng phải trả nợ để giảm dư nợ sao cho dư nợ cuối kỳ không được vượt quá hạn mức.

- Tín dụng thấu chi: là nghiệp vụ tín dụng qua đó ngân hàng cho phép người vay được chi trội trên số dư tiền gửi thanh toán của mình đến một giới hạn nhất định và trong khoảng thời gian xác định. Giới hạn này được gọi là hạn mức thấu chi.

1.1.5.7. Căn cứ vào đối tượng tín dụng

- Tín dụng vốn lưu động: Là loại tín dụng được sử dụng để hình thành vốn lưu động của doanh nghiệp hay tín dụng để bù đắp mức vốn lưu động thiếu hụt tạm thời. Loại này thường được thể hiện dưới các hình thức như: tín dụng để dự trữ hàng hoá, tín dụng để trang trải trong sản xuất và tín dụng để thanh toán các khoản nợ dưới hình thức chiết khấu chứng từ có giá.

- Tín dụng vốn cố định: Là loại hình tín dụng được sử dụng để hình thành vốn cố định của doanh nghiệp. Loại tín dụng này dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định, cải tiến và đổi mới kỹ thuật, mở rộng sản xuất, xây dựng các xí nghiệp và các công trình mới...

1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng của Ngân hàng.

1.2.1. Các nhân tố khách quan:

Nhân tố kinh tế:

- Về phương diện tổng thể nền kinh tế ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng làm cho quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tiến hành bình thường không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố lạm phát, khủng hoảng làm cho khả năng tín dụng và khả năng trả nợ vay không biến động lớn. Trong trường hợp này chất lượng tín dụng phụ thuộc chủ yếu vào khả năng quản lý chất lượng tín dụng bản thân của các Ngân hàng thương mại.

- Hoạt động tín dụng là hoạt động “Đi vay để tín dụng” do đó chất lượng tín dụng còn phụ thuộc vào công tác huy động và tín dụng vốn hay nói cách khác là phụ thuộc vào chất lượng khách hàng, mỗi biểu hiện tốt hay xấu trong hoạt động của khách hàng sẽ ảnh hưởng tương ứng với hoạt động tín dụng. Với khách hàng sản xuất kinh doanh có lãi suất có khả năng chiếm lĩnh thị trường và có quan hệ tín dụng tốt thì cầu nối giữa vay và tín dụng sẽ thống nhất, tạo điều kiện tăng vòng quay tín dụng, mở rộng quy mô vốn đầu tư, với cơ chế chính sách tín dụng phù hợp với Ngân hàng thương mại sẽ tìm kiếm được nhiều khách hàng tốt để vay vốn và tín dụng, tạo sự tương thích, hợp giữa nguồn vốn huy động và đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng.

- Chu kỳ phát triển của nền kinh tế có tác động không nhỏ đến hoạt động tín dụng. Nền kinh tế trong thời kỳ đình trệ sản xuất thu hẹp thì hoạt động tín dụng gặp nhiều khó khăn. Ngược lại thời kỳ hưng thịnh nhu cầu vốn tín dụng tăng, rủi ro tín dụng sẽ ít đi.
- Lãi suất ngân hàng phù hợp với lợi nhuận của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ.
- Trong nền kinh tế cũng ảnh hưởng tới chất lượng tín dụng. Lợi tức chỉ là một phần của lợi nhuận, vì vậy lãi suất ngân hàng phù hợp trợ giúp doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, trả nợ ngân hàng đúng hạn. Hoạt động tín dụng này không còn là đòn bẩy để thúc đẩy sản xuất phát triển và theo đó chất lượng tín dụng cũng bị ảnh hưởng.

Nhân tố xã hội:

- Nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tín dụng là các nhân tố trực tiếp tham gia quan hệ tín dụng đó là người gửi tiền Ngân hàng và người vay tiền.
- Tín dụng có nghĩa là sự vay mượn dựa trên cơ sở tín nhiệm, uy tín. Điều đó có nghĩa quan hệ tín dụng là sự kết hợp giữa 3 yếu tố: Nhu cầu khách hàng, khả năng của ngân hàng và sự tín nhiệm.
- Ngân hàng có tín nhiệm càng cao thì thu hút được khách hàng càng lớn.
- Khách hàng có tín nhiệm đối với Ngân hàng được vay vốn dễ dàng và có thể được vay với lãi suất thấp hơn so với đối tượng khác. Tín nhiệm là tiền đề, là điều kiện để không ngừng cải tiến chất lượng tín dụng.
- Ngoài các yếu tố trên cũng còn những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng như: Đạo đức xã hội, trình độ dân trí có liên quan đến rủi ro trong hoạt động tín dụng. Bên cạnh đó có sự biến động của tình hình kinh tế, tình hình xã hội ở nước ngoài cũng ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng.
- Ngoài ra chất lượng tín dụng còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố môi trường như: Thời tiết, bệnh dịch, lũ lụt... và các biện pháp tích cực trong bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Nhân tố pháp luật:

- Nhân tố pháp luật bao gồm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, tính đầy đủ thống nhất của các văn bản dưới luật. Đồng thời gắn liền với quá trình chấp hành luật và trình độ dân trí.

- Pháp luật là bộ phận không thể thiếu được của nền kinh tế thị trường, pháp luật có nhiệm vụ tạo lập môi trường pháp luật cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tiến hành thuận tiện và đạt hiệu quả cao, là cơ sở pháp lý để giải quyết các vấn đề khiếu nại có tranh chấp xảy ra. Vì vậy nhân tố pháp luật có vị trí hết sức quan trọng đối với hoạt động ngân hàng nói chung và chất lượng tín dụng nói riêng.

1.2.2. Các nhân tố chủ quan:

Các nhân tố chủ quan thường liên quan tới sự phấn đấu của bản thân Ngân hàng trên tất cả các mặt có liên quan tới hoạt động tín dụng và ảnh hưởng trực tiếp tới tất cả các khía cạnh khác nhau của chất lượng tín dụng. Vì vậy các nhân tố chủ quan ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng tín dụng. Ta có thể nghiên cứu sự ảnh hưởng của nó thông qua các nhân tố sau:

Nhân tố chính sách tín dụng:

- Chính sách tín dụng là kim chỉ nam đảm bảo cho hoạt động tín dụng đi đúng hướng, nó có ý nghĩa quyết định đến sự thành công hay thất bại của một Ngân hàng thương mại. Một chính sách tín dụng đúng đắn sẽ thu hút được nhiều khách hàng, đảm bảo khả năng sinh lời từ hoạt động tín dụng trên cơ sở phân tán rủi ro, tuân thủ pháp luật, đường lối chính sách của Nhà nước và đảm bảo công bằng xã hội.

- Điều đó cũng có ý nghĩa là chất lượng tín dụng phụ thuộc vào việc xây dựng chính sách tín dụng của Ngân hàng thương mại có đúng đắn hay không, bất cứ Ngân hàng thương mại nào muốn có chất lượng tín dụng đều phải có chính sách tín dụng rõ ràng, thích hợp của ngân hàng mình.

Công tác tổ chức của ngân hàng:

Công tác tổ chức của ngân hàng phải thật khoa học, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các phòng ban trong từng ngân hàng, trong toàn bộ hệ thống Ngân hàng cũng như giữa Ngân hàng với các cơ quan khác như tài chính, pháp luật... sẽ tạo điều kiện đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng, giúp ngân hàng theo dõi, quản lý sát sao các khoản tín dụng, các khoản huy động vốn. Đây là cơ sở để tiến hành các nghiệp vụ tín dụng lành mạnh và quản lý có hiệu quả các khoản vốn tín dụng.

Chất lượng nhân sự:

Con người là yếu tố quyết định đến sự thành bại trong quản lý vốn tín dụng như trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Xã hội ngày càng phát triển đòi hỏi chất lượng nhân sự ngày càng cao để có thể đáp ứng kịp thời, có hiệu quả với tình huống khác nhau của hoạt động tín dụng. Việc tuyển dụng nhân sự có đạo đức nghề nghiệp tốt và giỏi chuyên môn (có năng lực phân tích và xử lý đơn xin vay, đánh giá tài sản thế chấp, giám sát số tiền tín dụng ngay từ khi cấp tiền vay cho tới khi thu hồi được nợ, hoặc xử lý xong món nợ theo chính sách vay của ngân hàng...) Sẽ giúp cho ngân hàng có thể ngăn ngừa được những sai phạm có thể xảy ra khi thực hiện chu kỳ khép kín của một khoản tín dụng.

1.3. Hiệu quả tín dụng đối với hộ sản xuất.**1.3.1 Tổng quan hộ sản xuất.****1.3.1.1 Khái niệm hộ sản xuất.**

Nói đến sự tồn tại của hộ sản xuất trong nền kinh tế, trước hết chúng ta cần thấy rằng hộ sản xuất không chỉ có ở nước ta mà còn có ở tất cả các nước có nền sản xuất nông nghiệp trên thế giới. Hộ sản xuất đã tồn tại qua nhiều phương thức và vẫn đang tiếp tục phát triển. Chúng ta có thể xem xét một số quan niệm khác nhau về hộ sản xuất.

Trong một số từ điển chuyên ngành kinh tế cũng như từ điển ngôn ngữ “hộ” là tất cả những người cùng sống trong một mái nhà. Nhóm người đó bao gồm những người cùng chung huyết tộc và những người làm công.

Liên hợp quốc cho rằng : “Hộ là những người cùng sống chung dưới một mái nhà, cùng ăn chung và có chung một ngân quỹ”.

Trên góc độ ngân hàng, “Hộ sản xuất” là một thuật ngữ được dùng trong hoạt động cung ứng vốn tín dụng cho hộ gia đình để làm kinh tế chung của cả hộ. Một số thuật ngữ khác được dùng để thay thế thuật ngữ “Hộ sản xuất” là “Hộ”, “Hộ gia đình”. Ngày nay hộ sản xuất đang trở thành một nhân tố quan trọng trong sự nghiệp “Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá” đất nước và là sự tồn tại tất yếu trong quá trình xây dựng một nền kinh tế đa thành phần theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa. Để phù hợp với xu thế phát triển chung, phù hợp với chủ trương của Đảng và nhà nước, NHNo&PTNT Việt Nam ban hành phụ lục số 01 kèm theo Quyết định số: 499A ngày 02 tháng 9 năm 1993, theo đó thì khái

niệm Hộ sản xuất được hiểu như sau: “*Hộ sản xuất là đơn vị kinh tế tự chủ, trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh, là chủ thể trong mọi quan hệ sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất của mình*”. Thành phần chủ yếu của hộ sản xuất bao gồm: Hộ nông dân, hộ tư nhân, cá thể, hộ gia đình xã viên, hộ nông, lâm trường viên.

1.3.1.2. Vai trò của hộ sản xuất trong nền kinh tế thị trường.

- Hộ sản xuất là cầu nối trung gian để chuyển nền kinh tế tự nhiên sang nền kinh tế hàng hóa.
- Hộ sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.
- Hộ sản xuất có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

1.3.2 Hiệu quả tín dụng đối với hộ sản xuất.

1.3.2.1. Sự cần thiết của tín dụng đối với hộ sản xuất.

Trong nền kinh tế hàng hoá các doanh nghiệp không thể tiến hành sản xuất kinh doanh nếu không có vốn. Đặc biệt là trong điều kiện nước ta hiện nay, thiếu vốn là hiện tượng thường xuyên xảy ra đối với các đơn vị kinh tế, không chỉ riêng đối với hộ sản xuất. Vì vậy vốn tín dụng ngân hàng đóng vai trò hết sức quan trọng, nó trở thành "bà đỡ" trong quá trình phát triển của nền kinh tế hàng hoá.

Nhờ có vốn tín dụng, các đơn vị kinh tế không những đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh bình thường mà còn mở rộng sản xuất, cải tiến kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới đảm bảo thắng lợi trong cạnh tranh. Riêng đối với hộ sản xuất, tín dụng ngân hàng có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế hộ sản xuất.

Tín dụng ngân hàng đáp ứng nhu cầu vốn cho hộ sản xuất để duy trì quá trình sản xuất liên tục, góp phần đầu tư phát triển kinh tế.

- Sử dụng nguồn lực một cách có hiệu quả có ý nghĩa quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế. Nếu như vốn tham gia vào quá trình đầu tư không đem lại hiệu quả sẽ không có sự tăng trưởng thậm chí còn gây sức ép tới lạm phát, tạo ra kết cục trái ngược. Thực tế cho thấy, quá trình sản xuất luôn trải qua những giai đoạn khác nhau, vì vậy các doanh nghiệp nói chung và hộ sản xuất nói riêng có lúc thừa vốn có lúc thiếu vốn. Việc vay bổ sung vốn lưu động sẽ giúp

cho quá trình sản xuất được liên tục. Mặt khác, vốn đầu tư từ bên ngoài vào còn giúp cho các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình đổi mới công nghệ nhất là trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước như nước ta hiện nay.

- Với đặc trưng sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất với sự chuyên môn hoá sản xuất trong xã hội ngày càng cao, đã dẫn đến tình trạng các hộ sản xuất chưa thu hoạch sản xuất, chưa có hàng hoá để bán thì chưa có thu nhập, nhưng trong khi đó họ vẫn cần tiền để trang trải cho các khoản chi phí sản xuất, mua sắm đổi mới trang thiết bị và rất nhiều khoản chi phí khác. Trong những lúc này các hộ sản xuất cần có sự hỗ trợ giúp đỡ của tín dụng ngân hàng để có đủ vốn duy trì sản xuất được liên tục. Nhờ có sự hỗ trợ về vốn, các hộ sản xuất có thể sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có khác như lao động, tài nguyên để tạo ra sản phẩm cho xã hội, thúc đẩy việc sắp xếp tổ chức lại sản xuất, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý từ đó nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho mọi người.

- Như vậy có thể khẳng định rằng tín dụng ngân hàng có vai trò rất quan trọng đối với việc đáp ứng nhu cầu vốn cho hộ sản xuất ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất là cần thiết và rất lớn, khu vực nông thôn trở thành một thị trường to lớn của tín dụng ngân hàng. Cũng vì thế mà thị phần của các hộ sản xuất trong dư nợ của ngân hàng nông nghiệp càng tăng.

Tín dụng ngân hàng góp phần thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất.

- Trong cơ chế thị trường, vai trò tập trung vốn, tập trung sản xuất của tín dụng ngân hàng đã được thực hiện ở mức độ cao hơn hẳn với cơ chế bao cấp cũ. Hiệu quả hoạt động kinh doanh là vấn đề sống còn đối với các ngân hàng phải đảm bảo được độ an toàn và có lợi nhuận, tránh rủi ro trong cho vay.

- Bằng cách tập trung vốn vào các doanh nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có nghĩa là vốn đã được bổ sung vào đúng chỗ còn thiếu, giúp cho góp cho xã hội nhiều sản phẩm với chất lượng cao thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế và đồng thời ngân hàng cũng đảm bảo tránh được rủi ro tín dụng.

- Thực hiện tốt chức năng là cầu nối giữa tiết kiệm và đầu tư, ngân hàng phải quan tâm đến nguồn vốn đã huy động được để cho hộ sản xuất vay. Vì vậy

ngân hàng sẽ thúc đẩy các hộ sử dụng vốn tín dụng có hiệu quả, tăng nhanh vòng quay vốn, tiết kiệm vốn cho sản xuất và lưu thông. Trên cơ sở đó hộ sản xuất phải tập trung vốn như thế nào để sản xuất, góp phần tích cực vào quá trình vận động liên tục của nguồn vốn.

Tín dụng ngân hàng tạo điều kiện phát huy các ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới giải quyết việc làm cho người lao động.

- Việt Nam là một nước nông nghiệp, có nhiều làng nghề truyền thống, nhưng chưa được quan tâm đến các ngành nghề truyền thống có khả năng đạt hiệu quả kinh tế đặc biệt trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Phát huy được làng nghề truyền thống cũng chính là phát huy được nội lực của kinh tế hộ. Và tín dụng ngân hàng sẽ là công cụ tài trợ cho các ngành nghề mới thu hút được số lao động nhàn rỗi giải quyết việc làm cho người lao động. Từ đó góp phần làm phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông - lâm - thuỷ sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ ở các thành thị và nông thôn, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại.

- Do đó tín dụng ngân hàng là đòn bẩy kinh tế kích thích các ngành nghề này phát triển một cách nhịp nhàng và đồng bộ. Như vậy, bằng động tác gián tiếp ngân hàng đã kích thích các hộ sản xuất nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, phải hoạch định kinh doanh để tính toán có hiệu quả, giảm chi phí sản xuất hàng hoá, góp phần vào phát triển kinh tế hộ nói riêng và nền kinh tế cả nước nói chung.

1.3.2.2. Hiệu quả tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất.

Khái niệm hiệu quả tín dụng

Trong nền kinh tế thị trường bất kỳ một loại sản phẩm nào sản xuất ra cũng phải là những sản phẩm mang tính cạnh tranh. Cạnh tranh diễn ra trên cả 3 phương diện: số lượng, chất lượng và giá cả, trong đó chất lượng, hiệu quả đóng vai trò quyết định đến sự thành bại của doanh nghiệp. Điều này có nghĩa là mọi sản phẩm sản xuất ra đều phải có chất lượng, có hiệu quả.

Hoạt động Ngân hàng có tác động rất lớn đến toàn bộ nền kinh tế. Do đó, vấn đề nâng cao chất lượng tín dụng đặc biệt là hiệu quả tín dụng của NH là rất cần thiết, hiệu quả tín dụng được biểu hiện như sau: “ *Hiệu quả tín dụng của NH*

là sự đáp ứng tốt nhất yêu cầu của cả khách hàng và NH trong quan hệ vay mượn, đảm bảo an toàn và hạn chế được những rủi ro về vốn. Đồng thời tăng lợi nhuận cho NH phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội ”.

- Như vậy, thông qua cách hiểu trên hiệu quả tín dụng được nhìn nhận từ 3 góc độ:

Đối với khách hàng: Vốn vay đưa ra phải phù hợp với yêu cầu của khách hàng về lãi suất (giá cả sản phẩm), kỳ hạn, phương thức thanh toán, hình thức thanh toán, thủ tục đơn giản thuận tiện tuy nhiên vẫn đảm bảo nguyên tắc tín dụng Ngân hàng.

Đối với Ngân hàng: Ngân hàng đưa ra các hình thức tín dụng phù hợp với phạm vi, mức độ, giới hạn với bản thân Ngân hàng để luôn đảm bảo tính cạnh tranh, an toàn, sinh lời theo nguyên tắc hoàn trả đầy đủ đúng thời hạn và có lợi nhuận.

Đối với nền kinh tế - xã hội: Thông qua hoạt động tín dụng NH phục vụ cho sản xuất và lưu thông hàng hoá góp phần ổn định chính trị, giải quyết việc làm, khai thác được tiềm năng trong nền kinh tế, thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung sản xuất qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Như vậy có thể rút ra nhận xét: *Hiệu quả tín dụng là một chỉ tiêu tổng hợp, nó thể hiện năng lực của một NH trong quá trình cạnh tranh để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường. Hiệu quả tín dụng là kết quả của một qui trình kết hợp giữa những con người, giữa các tổ chức với nhau với mục đích chung. Hiệu quả tín dụng phản ánh cả chỉ tiêu định lượng và định tính, hiểu đúng và phân tích đánh giá đúng hiệu quả tín dụng sẽ giúp NH có biện pháp quản lý thích hợp và hiệu quả hơn.*

1.3.2.3. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tín dụng đối với hộ sản xuất

Hiện nay, tín dụng vẫn chiếm khoảng 60% - 70% trong tổng tài sản có của các Ngân hàng thương mại. Vì thế, sự tồn tại và phát triển của các Ngân hàng phụ thuộc rất nhiều vào tín dụng và chất lượng tín dụng. Việc đánh giá chất lượng tín dụng ở các Ngân hàng hiện nay thông qua các chỉ tiêu cơ bản sau:

- **Chỉ tiêu định lượng**

Doanh số tín dụng hộ sản xuất:

Doanh số tín dụng hộ sản xuất là chỉ tiêu tuyệt đối phản ánh tổng thể số tiền Ngân hàng cho hộ sản xuất vay trong thời kỳ nhất định thường là một năm.

Ngoài ra Ngân hàng còn dùng chỉ tiêu tương đối phản ánh tỷ trọng tín dụng hộ sản xuất trong tổng doanh số tín dụng của Ngân hàng trong một năm.

Doanh số tín dụng hộ sản xuất

$$\text{Tỷ trọng tín dụng HSX} = \frac{\text{Doanh số tín dụng hộ sản xuất}}{\text{Tổng doanh số tín dụng}} \times 100\%$$

Doanh số thu nợ hộ sản xuất :

Doanh số thu nợ hộ sản xuất chỉ là chỉ tiêu tuyệt đối phản ánh tổng số tiền Ngân hàng thu hồi được sau khi đã giải ngân cho hộ sản xuất trong một thời kỳ.

Doanh số thu nợ HSX

$$\text{Tỷ lệ thu nợ HSX} = \frac{\text{Doanh số thu nợ HSX}}{\text{Tổng dư nợ của HSX}} \times 100\%$$

Để phản ánh tình hình thu nợ hộ sản xuất, Ngân hàng còn sử dụng chỉ tiêu tương đối phản ánh tỷ trọng thu hồi được trong tổng doanh số tín dụng hộ sản xuất của Ngân hàng trong thời kỳ. Chỉ tiêu này được tính bằng công thức:

Doanh số thu nợ hộ sản xuất

$$\frac{\text{Doanh số thu nợ hộ sản xuất}}{\text{Doanh số tín dụng hộ sản xuất}} \times 100\%$$

Dư nợ quá hạn hộ sản xuất:

Dư nợ quá hạn hộ sản xuất là chỉ tiêu tuyệt đối phản ánh tổng thể số tiền Ngân hàng chưa thu hồi được sau một thời gian nhất định kể từ ngày khoản tín dụng đến hạn thanh toán tại thời điểm đang xem xét.

Bên cạnh chỉ tiêu tuyệt đối, Ngân hàng thường xuyên sử dụng chỉ tiêu tỷ lệ nợ quá hạn hộ sản xuất:

Dư nợ quá hạn HSX

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn HSX} = \frac{\text{Dư nợ quá hạn HSX}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Đây là chỉ tiêu quan trọng nhất để đánh giá hiệu quả tín dụng HSX và chất lượng TD đầu tư tín dụng đối với hộ sản xuất. Dư nợ quá hạn càng nhỏ, tỷ lệ nợ quá hạn thấp, hiệu quả tín dụng càng cao. Hoạt động Ngân hàng nói chung và hoạt động TDNH nói riêng đều chứa đựng nhiều rủi ro tác động đến lợi nhuận và

sự an toàn kinh doanh của Ngân hàng. Do vậy, việc đảm bảo thu hồi đủ vốn tín dụng đúng hạn, thể hiện qua tỷ lệ nợ quá hạn thấp là vấn đề quan trọng trong quản lý Ngân hàng liên quan đến sự sống còn của Ngân hàng.

Để xem xét chi tiết hơn khả năng không thu hồi được nợ người ta sử dụng chỉ tiêu Tỷ lệ nợ khó đòi.

$$\text{Tỷ lệ nợ khó đòi} = \frac{\text{Tổng nợ khó đòi}}{\text{Tổng nợ xấu}} \times 100\%$$

Đây cũng là một chỉ tiêu tương đối. Tỷ lệ này ở mức cao là dấu hiệu cho thấy nguy cơ mất vốn cao do các khoản tín dụng có vấn đề.

Vòng quay vốn tín dụng HSX:

$$\text{Vòng quay vốn tín dụng HSX} = \frac{\text{Doanh số thu nợ HSX}}{\text{Dư nợ bình quân HSX}}$$

Trong đó, dư nợ bình quân HSX = (Dư nợ đầu năm + Dư nợ cuối năm/2). Đây là một chỉ tiêu quan trọng xem xét hiệu quả tín dụng HSX, phản ánh tần suất sử dụng vốn. Vòng quay càng lớn với số dư nợ luôn tăng, chứng tỏ đồng vốn Ngân hàng bỏ ra đã được sử dụng một cách hiệu quả, tiết kiệm chi phí, tạo ra lợi nhuận lớn cho Ngân hàng.

Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng:

$$\text{Tỷ lệ trích lập DP RDTD} = \frac{\text{Số tiền trích lập DP RDTD}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

Dự phòng rủi ro là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của tổ chức tín dụng không thực hiện được nghĩa vụ theo cam kết. Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và được hạch toán vào chi phí hoạt động của tổ chức tín dụng. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng càng cao chứng tỏ chất lượng tín dụng của ngân hàng càng thấp, chi phí hoạt động của ngân hàng càng lớn, giảm khả năng sinh lời của ngân hàng.

Lợi nhuận của Ngân hàng:

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Tổng thu nhập} - (\text{Tổng chi phí} + \text{Thuế})$$

Trong tổng thu, lãi thu từ hoạt động tín dụng là chủ yếu. Đối với NHNo&PTNT thì hộ sản xuất là khách hàng chính của Ngân hàng, cho nên lợi nhuận Ngân hàng là thước đo hiệu quả sử dụng vốn của Ngân hàng cũng như hiệu quả tín dụng HSX.

- **Chỉ tiêu định tính**

Trong quá trình đánh giá chất lượng tín dụng ngoài những chỉ tiêu định lượng đã nêu trên là những chỉ tiêu có thể lượng hoá được, thì còn có rất nhiều yếu tố mà không thể lượng hoá được, gọi là các chỉ tiêu định tính. Các chỉ tiêu định tính được thể hiện qua quy chế, chế độ tín dụng của Ngân hàng.

Đảm bảo nguyên tắc cho vay:

Mọi tổ chức kinh tế hoạt động đều dựa trên các nguyên tắc nhất định. Do đặc thù của Ngân hàng là một tổ chức kinh tế đặc biệt, hoạt động của nó ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, do vậy có các nguyên tắc khác nhau. Trong đó nguyên tắc cho vay là một nguyên tắc quan trọng đối với mỗi Ngân hàng.

Để đánh giá chất lượng một khoản cho vay, điều đầu tiên phải xem xét là khoản vay đó có đảm bảo nguyên tắc cho vay hay không? Trong “Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng” Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Tại Điều 6. Nguyên tắc cho vay quy định rõ:

“Khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng phải đảm bảo:

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng
- Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.”

Hai nguyên tắc đảm bảo cho vay trên là nguyên tắc tối thiểu mà bất cứ một khoản cho vay nào cũng phải đảm bảo.

Cho vay bảo đảm có điều kiện

Đây là chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng Ngân hàng đó là cho vay có đảm bảo đúng điều kiện hay không? Trong “Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng”, Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Tại Điều 7. Điều kiện vay vốn quy định rõ:

“Tổ chức tín dụng xem xét và quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau:

- Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Với khách hàng vay là pháp nhân và cá nhân Việt Nam

- Pháp nhân phải có năng lực pháp luật dân sự
- Cá nhân và chủ doanh nghiệp tư nhân phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.
- Đại diện của hộ gia đình phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.
- Đại diện của tổ hợp tác phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự
- Thành viên hợp danh của công ty hợp danh phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

Với khách hàng vay là pháp nhân và cá nhân nước ngoài

Phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật của nước mà pháp nhân đó có quốc tịch hoặc cá nhân đó là công dân, nếu pháp luật nước ngoài đó được Bộ Luật Dân sự của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam quy định hoặc được điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định.

- Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp
- Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết
- Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ khả thi và có hiệu quả; hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Quá trình thẩm định

Thẩm định cho vay là công việc hết sức quan trọng, là tiền đề quyết định việc cho vay và hiệu quả vốn đầu tư. Thẩm định là quá trình phân tích đánh giá dự án trên cơ sở những chuẩn mực, nhằm rút ra những kết luận làm căn cứ cho đưa ra quyết định cho vay.

Quá trình thẩm định là cách tốt nhất để Ngân hàng nắm được thông tin về năng lực pháp luật, đạo đức, tình hình tài chính, khả năng trả nợ của khách hàng,... Đây là khâu không thể thiếu trong quá trình quyết định cho vay và theo dõi khoản vay. Quá trình thẩm định phải tuân theo nguyên tắc, các căn cứ, các quy trình và nội dung thẩm định của từng Ngân hàng. Một khoản vay có chất lượng là khoản vay đã được thẩm định và phải đảm bảo các bước của quá trình thẩm định.

Quá trình thẩm định một khoản vay cho hộ sản xuất rất phức tạp do đặc điểm sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất là kinh doanh tổng hợp, vì vậy, đòi hỏi cán bộ thẩm định, tái thẩm định phải tinh thông nghiệp vụ, hiểu biết pháp luật, nắm bắt kịp thời nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ, các thông tin dự báo, thông tin kinh tế kỹ thuật, thị trường và khả năng phân tích tài chính, có như vậy mới có thể giúp lãnh đạo quyết định cho vay một cách có hiệu quả và đảm bảo chất lượng một khoản vay.

1.4. Ý nghĩa việc nâng cao hiệu quả tín dụng đối với hộ sản xuất.

1.4.1. Cung cấp nguồn tài chính đáp ứng nhu cầu cho hộ sản xuất, góp phần phát triển kinh tế.

Các hộ sản xuất cần có sự trợ giúp của tín dụng Ngân hàng để có đủ vốn duy trì sản xuất được liên tục. Nhờ có sự hỗ trợ về vốn, các hộ sản xuất có thể sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có khác như: lao động, tài nguyên để cải tạo ra sản phẩm cho xã hội, thúc đẩy cho việc sắp xếp, tổ chức lại sản xuất, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý từ đó nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho mọi người.

1.4.2. Góp phần thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất, tạo khả năng sinh lời.

Trong cơ chế thị trường, vai trò tập trung vốn sản xuất của tín dụng Ngân hàng đã được thực hiện ở mức độ cao hơn hẳn với cơ chế bao cấp cũ.

Thực hiện tốt chức năng là cầu nối giữa tiết kiệm với đầu tư, Ngân hàng quan tâm đến nguồn vốn đã huy động được để cho hộ sản xuất vay. Vì vậy, Ngân hàng sẽ thúc đẩy các hộ sử dụng vốn có hiệu quả, tăng nhanh vòng quay vốn, tiết kiệm vốn cho sản xuất và cho lưu thông. Trên cơ sở đó hộ sản xuất phải biết tập trung vốn như thế nào để sản xuất, góp phần tích cực vận động liên tục của nguồn vốn.

1.4.3. Tạo điều kiện phát huy các ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới, tạo điều kiện phát triển lượng hàng hóa lưu thông, giải quyết việc làm cho người lao động.

Việt Nam là một nước có nhiều làng nghề truyền thống nhưng chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức. Chính vì thế, quan tâm, phát huy các ngành nghề truyền thống có hiệu quả kinh tế cũng chính là phát huy nội lực kinh tế hộ.

Tín dụng Ngân hàng sẽ là công cụ tài trợ cho các ngành nghề mới thu hút được đông đảo lực lượng lao động. Từ đó góp phần phát triển toàn diện, nông-lâm- thủy sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, các hoạt động kinh tế đối ngoại.

Bên cạnh đó, thông qua việc tín dụng mở rộng sản xuất đối với các hộ sản xuất góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Làm tăng thu nhập cho người dân, đời sống văn hóa, xã hội tăng lên, khoảng cách giữa nông thôn và thành thị xích lại gần nhau, hạn chế bớt sự phân hóa bất hợp lý trong xã hội, giữ vững an ninh, chính trị.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TÍN DỤNG VÀ HIỆU QUẢ TÍN DỤNG HỘ SẢN XUẤT TẠI NHNo&PTNT CHI NHÁNH HUYỆN VÂN ĐỒN - QUẢNG NINH

2.1. Tổng quan quá trình hình thành và phát triển của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Vân Đồn - Quảng Ninh.

2.1.1. Một số nét về đặc điểm kinh tế xã hội huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh- Môi trường hoạt động của NHNo&PTNT Vân Đồn.

Vân Đồn là một huyện đảo có vị trí địa kinh tế, chính trị chiến lược quan trọng, có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế mà đặc biệt là phát triển du lịch, Vân Đồn đã và đang trở thành tâm điểm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, hy vọng sẽ trở thành đặc khu kinh tế có tầm cỡ quốc tế trong tương lai gần. Nằm trong quần thể của Vịnh Hạ Long nổi tiếng có tài nguyên du lịch đặc sắc vào bậc nhất của Việt Nam. Với quy mô diện tích khoảng 2.171 km², trong đó diện tích đất tự nhiên 551 km², diện tích vùng biển rộng khoảng 1.620 km², dân số khoảng 4,2 vạn người, có hệ sinh thái phong phú và đa dạng, có lợi thế về địa giới hành chính và đất đai của một quần đảo nằm trọn trong một đơn vị hành chính tương đối tách biệt với đất liền, có khả năng kết nối nhanh với các khu vực và quốc tế bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không,... Vân Đồn hội tụ đủ các điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, du lịch và dịch vụ.

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của NHNo&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Vân Đồn được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1967. Những năm trước năm 1967 Ngân hàng Vân Đồn chỉ là phòng thu của cụm liên huyện. Từ năm 1967 đến năm 1988 Ngân hàng Vân Đồn là chi nhánh trực thuộc NH No&PTNT tỉnh Quảng Ninh, thực hiện chức năng của Ngân hàng Nhà Nước. Từ tháng 6 năm 1988 đến nay thực hiện nghị định số 53 HĐBT của hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) theo Quyết định số 280/QĐ-NH5 ngày 15 tháng 10 năm 1996 của thống đốc NHNN hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam được hình thành, hoạt động theo điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHTMNN. Hệ thống NH

No&PTNT Việt Nam có mạng lưới chi nhánh đặt tại các tỉnh, thành phố, quận, huyện và các khu kinh tế tập trung, trong đó có chi nhánh huyện Vân Đồn.

Ngân hàng No&PTNT Vân Đồn có trụ sở tại khu 5, thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn.

Ngân hàng No&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn là một Ngân hàng thương mại có chức năng nhiệm vụ như sau:

- Ngân hàng có chức năng làm trung gian tín dụng. Ngân hàng tập trung huy động các nguồn vốn tiền tệ tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế (bao gồm tiền tiết kiệm của các tầng lớp dân cư, vốn bằng tiền của các đơn vị, tổ chức kinh tế,...) biến nó thành nguồn vốn tín dụng để cho vay đáp ứng như cầu vốn kinh doanh và vốn đầu tư cho các ngành kinh tế và nhu cầu vốn tiêu dùng của xã hội. Với chức năng trung gian tín dụng, NHNo&PTNT Vân Đồn có nhiệm vụ như sau:

- Nhận tiền gửi của các cá nhân, tổ chức.
- Phát hành kỳ phiếu, trái phiếu ngân hàng để huy động vốn
- Cho vay các cá nhân, tổ chức

Chức năng này của ngân hàng là chức năng cơ bản nhất, có tác dụng rất lớn đối với nền kinh tế: tập trung lượng vốn lớn cho nền kinh tế, luân chuyển vốn thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

- Chức năng trung gian thanh toán: Ngân hàng đứng ra làm trung gian để thực hiện giao dịch giữa các khách hàng, người mua và người bán để hoàn tất quan hệ kinh tế giữa họ với nhau. Nhiệm vụ cụ thể của chức năng này như sau:

- Mở tài khoản tiền gửi giao dịch cho các tổ chức và cá nhân.
- Quản lý và cung cấp các phương tiện thanh toán cho khách hàng như: giấy chuyển tiền, thẻ tín dụng.
- Tổ chức và kiểm soát các quy trình thanh toán giữa cá khách hàng.

Với chức năng này, NHNo&PTNT Vân Đồn trở thành một người thu quỹ và góp phần giảm bớt lượng tiền mặt trong lưu thông, giảm nhiều chi phí cho xã hội, thúc đẩy các quan hệ kinh tế thương mại.

- Chức năng cung ứng các dịch vụ và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan Ngân hàng cung cấp các dịch vụ giúp thực hiện tốt hơn hai chức năng trên, đó là:

- Dịch vụ ngân quỹ và chuyển tiền nhanh.
- Dịch vụ kiều hối.

- Dịch vụ ngân hàng điện tử.
- ...

Kể từ ngày thành lập đến nay, hoạt động của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn không ngừng phát triển theo định hướng ổn định, an toàn hiệu quả và phát triển cả về quy mô và tốc độ tăng trưởng, địa bàn hoạt động cũng như cơ cấu mạng lưới, tổ chức bộ máy. Từ năm 1995 đến nay hoạt động của chi nhánh NHNo&PTNT huyện Vân Đồn - Quảng Ninh tăng trưởng mạnh mẽ.

Ngân hàng đã đạt được những thành tích xuất sắc, tiêu biểu như:

- Năm 1993 : là đơn vị xuất sắc của Chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Ninh.
- 1990 – 2000 : đạt thành tích xuất sắc thi đua 10 năm đổi mới.
- 2006 - 2010 : đạt danh hiệu doanh nghiệp giỏi – UBND huyện Vân Đồn công nhận.

Trong hơn 45 năm hoạt động, NHNo&PTNT huyện Vân Đồn đã khẳng định được chỗ đứng của mình trong địa bàn hoạt động là huyện Vân Đồn, nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trong huyện. Ngân hàng có một đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, có trình độ và sự tận tụy đối với nghề. Ngân hàng đã xây dựng được hình ảnh một tổ chức tín dụng uy tín, phục vụ các nhu cầu của người dân trong địa bàn huyện, hỗ trợ và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp to lớn cho sự phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội của huyện.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn

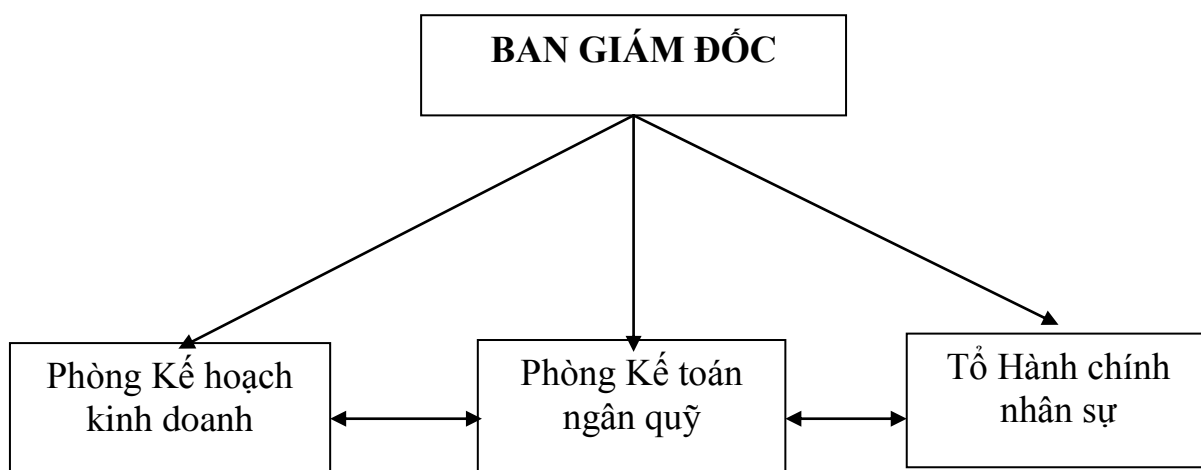
2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn

Cơ cấu tổ chức hoạt động

Huyện Vân Đồn là một huyện miền núi - hải đảo nằm ở vị trí tiền tiêu phía Đông Bắc của tổ quốc thuộc tỉnh Quảng Ninh, bao gồm 11 xã đảo và 1 thị trấn với diện tích đất tự nhiên là 551,5 km² (phần đảo nổi) chiếm 10,2% diện tích của Quảng Ninh...Trước những năm 2000, nền kinh tế huyện đảo còn gặp nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng còn hạn chế, giao thông đi lại còn nhiều bất tiện giữa các xã đảo, Vì vậy, mô hình tổ chức hoạt động của Ngân hàng No&PTNT huyện Vân Đồn cũng phải tổ chức phù hợp với đặc thù địa lý. Ngoài số nhân lực

làm việc tại trụ sở chính, chi nhánh Vân Đồn còn phải vươn dài và tiếp cận tới các xã đảo, vùng sâu, vùng xa với hai phòng giao dịch trực thuộc chi nhánh huyện. Trong những năm gần đây huyện đã được Nhà nước và Chính phủ quan tâm xác định là một trong những huyện trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh về tiềm năng phát triển kinh tế về rừng, biển và phát triển du lịch sinh thái. Mở rộng và nâng cấp hạ tầng cơ sở rút ngắn khoảng cách giữa thành thị, nông thôn và vùng hải đảo. Quán triệt những mục tiêu phát triển kinh tế của Huyện, Ngân hàng No&PTNT huyện Vân Đồn cũng có những bước chuyển đổi mạnh mẽ về cơ cấu tổ chức, trên cơ sở giảm bớt chi phí, thu gọn về bộ máy tổ chức biên chế. Nâng cao chất lượng phục vụ trên cơ sở đào tạo cán bộ chuyên sâu và hoạt động đa năng trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hành chính NH No&PTNT huyện Vân Đồn.



(Nguồn: Tổ hành chính nhân sự Ngân hàng No&PTNT huyện Vân Đồn)

Sau quá trình sắp xếp bộ máy hoạt động của chi nhánh NHNo huyện Vân Đồn hiện nay đã ổn định. Tính đến thời điểm 2014 chi nhánh có 28 cán bộ công nhân viên (cả hợp đồng thời vụ).

Trong đó:

- Trình độ sau đại học chiếm: 10,71 %
- Trình độ đại học chiếm: 89,29%

Tổ chức bộ máy của chi nhánh gồm:

- Ban giám đốc: 01 giám đốc, 02 phó giám đốc.
- Phòng kế toán ngân quỹ: 9 người
- Phòng hành chính nhân sự: 6 người
- Phòng kế hoạch kinh doanh: 10 người

Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban

Ban giám đốc: là những người đứng đầu chịu trách nhiệm trước pháp luật, Nhà nước, cấp trên về hoạt động kinh doanh của NH mình, điều hành mọi hoạt động kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Ban giám đốc vạch ra các chiến lược, chính sách kinh doanh để từ đó các phòng ban thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của mình. Đồng thời, ban giám đốc căn cứ các chính sách kinh tế của huyện qua các thời kỳ để hướng hoạt động của Ngân hàng theo mục tiêu đã đề ra.

Phòng kế hoạch kinh doanh: thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau:

Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, trung và dài hạn theo định hướng kinh doanh của NHNo&PTNT Quảng Ninh nói riêng và NHNo&PTNT Việt Nam nói chung.

Tổng hợp, theo dõi các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh. Cân đối nguồn vốn, sử dụng vốn và điều hòa vốn kinh doanh đối với NH tỉnh. Tổng hợp, phân tích hoạt động kinh doanh tháng, quý, năm. Trực tiếp thực hiện việc cho vay đối với các thành phần kinh tế trong huyện, trong đó, chủ yếu là các hộ sản xuất, kinh doanh.

Dự thảo các báo cáo quan trọng nhất của chi nhánh NHNo&PTNT huyện Vân Đồn, là đầu mối thực hiện thông tin tín dụng để phòng ngừa và xử lý rủi ro tín dụng.

Phòng kế toán ngân quỹ: trực tiếp hạch toán kế toán, hạch toán thống kê, thanh toán và thu chi tiền mặt theo quy định của NHNN, NHNo&PTNT Việt Nam.

Quản lý quỹ và sử dụng quỹ chuyên dùng theo quy định của NHNo&PTNT tại chi nhánh. Quản lý hồ sơ tín dụng, hồ sơ đảm bảo tiền vay, theo dõi tình hình sử dụng TSCĐ và CCLĐ của toàn chi nhánh. Tổng hợp lưu trữ hồ sơ về hạch toán kế toán, báo cáo quyết toán theo đúng quy định.

Thực hiện các khoản nộp ngân sách theo quy định và thanh toán các nghiệp vụ trong và ngoài nước. Chấp hành quy định về an toàn kho quỹ và định mức tồn quỹ theo quy định. Quản lý sử dụng thiết bị thông tin điện toán phục vụ kinh doanh.

Tổ chức hành chính nhân sự: xây dựng chương trình công tác hàng tháng, hàng quý của chi nhánh và có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc việc thực hiện chương trình đã được giám đốc phê duyệt.

Xây dựng triển khai chương trình giao ban nội bộ của chi nhánh. Trực tiếp là thư ký tổng hợp cho giám đốc. Tư vấn pháp lý trong việc thực thi các nhiệm vụ cụ thể về giao kết hợp đồng, hoạt động tổ tụng...liên quan đến cán bộ, nhân viên và tài sản của chi nhánh.

Trực tiếp quản lý con dấu của chi nhánh, thực hiện công tác hành chính, văn thư, lễ tân, phương tiện giao thông, bảo vệ y tế. Lưu trữ các văn bản pháp luật có liên quan đến NH và các văn bản quy chế của NH, là đầu mối giao tiếp với khách hàng đến làm việc.

Tất cả các phòng ban này có quan hệ qua lại với nhau dưới sự điều hành của giám đốc chi nhánh, thực hiện các nghiệp vụ NH, hướng lợi nhuận trong phạm vi an toàn nhất.

Tất cả các phòng ban này có quan hệ qua lại với nhau dưới sự điều hành của giám đốc chi nhánh, thực hiện các nghiệp vụ NH, hướng lợi nhuận trong phạm vi an toàn nhất.

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ chung của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn

- Thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng.
- Huy động vốn trên địa bàn qua loại hình tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá...
- Tín dụng ngắn hạn, trung hạn dài hạn đối với các thành phần kinh tế trên địa bàn đặc biệt là các hộ sản xuất, ngành nghề nuôi và đánh bắt thủy hải sản.
- Làm dịch vụ thanh toán, ngân quỹ phục vụ các đối tượng có sử dụng các dịch vụ tiện ích ngân hàng.
- Các hoạt động khác: cầm cố các tài sản có giá, thu hộ-chi hộ, bảo quản tài sản, cho thuê kết, tư vấn tài chính công ty, bảo hiểm khoản vay, bảo lãnh

2.1.3.3. Tổng quan hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014.

Trong nền kinh tế thị trường không chỉ có ngân hàng mà các lĩnh vực kinh doanh khác cũng vậy, muốn hoạt động có hiệu quả trước hết phải có nguồn vốn vững mạnh và biết sử dụng nguồn vốn đó thật hiệu quả nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất cho mình. Bởi vì lợi nhuận không những là chỉ tiêu tổng hợp đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng mà nó còn là chỉ tiêu chung nhất

áp dụng cho mọi chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Các ngân hàng luôn quan tâm đến vấn đề làm thế nào để có thể đạt được tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá rủi ro trong kế hoạch kinh doanh của mình. Và đây cũng là mục tiêu chính hàng đầu của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Để thấy rõ hơn kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian qua, ta xem xét bảng số liệu sau:

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 -2014

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2012 – 2013		2013 - 2014	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
I. TỔNG DOANH THU	30.573	57.707	56.922	27.134	88,75	-785	-1,36
1. Thu từ hoạt động tín dụng	29.465	55.415	54.779	25.950	88,07	-636	-1,15
2. Thu phí từ hoạt động dịch vụ	632	1.371	1.253	739	116,93	-118	-8,61
3. Thu nhập khác	476	921	890	445	93,49	-31	-3,37
II. TỔNG CHI PHÍ	23.681	40.892	42.756	17.211	72,68	1.864	4,56
1. Chi phí hoạt động tín dụng	18.674	35.358	37.156	16.684	89,34	1.798	5,09
2. Chi phí hoạt động dịch vụ	1.002	1.023	1.089	21	2,10	66	6,45
3. Chi nộp thuế và các khoản lệ phí	31	37	42	6	19,35	5	13,51
4. Chi trả lương cho nhân viên	2.870	3.304	3.282	434	15,12	-22	-0,67
5. Chi phí khác	1.104	1.170	1.187	66	5,98	17	1,45
III. LỢI NHUẬN	6.892	16.815	14.166	9.923	143,98	-2.649	-15,75

(Nguồn: Báo cáo tài chính của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Vân Đồn – Quảng Ninh từ năm 2012 -2014)

Qua bảng ta thấy, mặc dù các năm có nhiều biến động của nền kinh tế thế giới và tình hình kinh tế trong nước cũng gặp nhiều khó khăn và là một thời kỳ có nhiều biến động về lãi suất cũng như sự cạnh tranh giữa các NH ngày càng khốc liệt tuy vậy chênh lệch tổng thu và tổng chi 3 năm này vẫn luôn dương. Đặc biệt năm 2013 tổng thu nhập đạt 57.707 triệu đồng tăng 88,75%, tổng chi phí 40.892 triệu đồng tăng 72,68% so với năm 2012. Do tiết kiệm được chi phí và gia tăng nguồn thu nên lãi thu về là 16.815 triệu đồng tăng 9.923 triệu đồng, tương ứng với tốc độ tăng 143,98%.

Có được thành quả này là do sự nỗ lực không ngừng của nhà lãnh đạo và các cán bộ công nhân viên trong toàn NH. Đến năm 2014 tổng thu nhập giảm 785 triệu đồng nguyên nhân là do có những khoản nợ xấu phát sinh, là một năm nhiều biến động về lãi suất, trong khi đó tổng chi phí lại tăng lên đến 42.756 triệu đồng, với tốc độ tăng so với năm 2013 là 4,56%. Tổng thu giảm, tổng chi tăng làm chênh lệch thu chi của ngân hàng năm 2014 giảm 2.649 triệu đồng so với năm 2013.

Kết quả này cho thấy hoạt động kinh doanh của NH đang kém hiệu quả hơn. NH cần có các biện pháp nhằm tăng thu giảm chi hợp lý. Tuy vậy, nhìn chung hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn vẫn sinh lãi và các mặt có chuyển biến tích cực bắt kịp với tình hình kinh doanh của các thành phần kinh tế cũng như yêu cầu của dân cư trên địa bàn.

Nguồn vốn huy động tăng, hoạt động tín dụng và đầu tư mở rộng vững chắc, có hiệu quả, công tác kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, để đứng vững trong cơ chế thị trường với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, NHNo&PTNT huyện Vân Đồn cần phải có những chiến lược linh hoạt cả về nguồn vốn cũng như dư nợ và chất lượng tín dụng.

Do đó cần thiết phải có sự chỉ đạo sáng suốt của ban lãnh đạo NH cũng như sự cố gắng nỗ lực không ngừng của CBCNV trong thời gian tới.

2.1.3.4. Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn

Những thuận lợi

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Vân Đồn là ngân hàng thành lập đầu tiên và sớm nhất huyện Vân Đồn với quy mô vốn lớn, ổn định, đội ngũ cán bộ, công nhân viên tâm huyết với nghề, có trình độ chuyên môn cao. Từ khi thành lập đến nay, ngân hàng luôn nhận được sự tin

tưởng và đánh giá cao của khách hàng, luôn là lựa chọn hàng đầu của người dân khi cần vay vốn để mở rộng, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy hải sản, lâm nghiệp do có chính sách lãi suất hợp lý, thủ tục nhanh chóng, thuận tiện.

Mặt khác, Vân Đồn là một huyện đảo nằm ở phía Đông tỉnh Quảng Ninh có diện tích tự nhiên là 551,3 km² (trong đó 68% là rừng) với hơn 600 hòn đảo lớn nhỏ. Dân số huyện vào khoảng 43.000 dân, tập trung chủ yếu ở thị trấn Cái Rồng và các xã Đông Xá, Hạ Long, Quan Lạn. Kinh tế của Vân Đồn chú trọng phát triển kinh tế biển và khai thác khoáng sản.

Những năm gần đây, do nhận được sự quan tâm từ chính quyền tỉnh cũng như trung ương, huyện Vân Đồn đang ngày càng thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư bên ngoài để phát triển kinh tế như xây dựng sân bay quốc tế Vân Đồn, quốc lộ 4B, casino, khu phi thuế quan,... Với những lợi thế nổi trội trên, Vân Đồn đang đứng trước cơ hội “cát cánh” trở thành khu kinh tế đặc biệt phát triển và đây cũng là điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư và phát triển của NH No&PTNT huyện Vân Đồn nói riêng.

Những khó khăn

Trong bối cảnh toàn nền kinh tế liên tục suy thoái, biến động, lạm phát, hệ thống doanh nghiệp hoạt động sa sút phá sản hàng loạt, nợ xấu tăng cao khiến cho hoạt động của các NHTM nói chung và NHNo&PTNT Vân Đồn nói riêng gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt trong công tác huy động, cho vay và thu hồi vốn.

Do đặc thù địa hình huyện Vân Đồn là huyện đảo, các xã đảo cách xa nhau, việc đi lại khó khăn nên công tác tiếp cận vốn của người dân chưa đạt hiệu quả cao.

2.2. Tổng quan hoạt động tín dụng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn những năm 2012, 2013, 2014.

Trong những năm vừa qua (từ năm 2012 đến năm 2014) nền kinh tế nói chung và nền kinh tế của huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, lạm phát cao gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

Hàng loạt doanh nghiệp phải ngừng sản xuất hoặc giải thể, phá sản. Hệ thống các NHTM lâm vào tình trạng thiếu thanh khoản, nợ xấu tăng cao. Năm 2014 tuy làm phát đã giảm xuống còn một con số, nhưng nhìn chung nền kinh tế

vẫn gặp nhiều khó khăn trong đó có hệ thống các NHTM và chi nhánh NH No&PTNT cũng nằm trong bối cảnh chung đó.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực vươn lên của ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong chi nhánh cộng với sự chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo NH No&PTNT tỉnh Quảng Ninh, sự quan tâm giúp đỡ của Đảng bộ, chính quyền huyện Vân Đồn chi nhánh NHNo&PTNT Vân Đồn đã vượt qua được khó khăn, vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả về huy động vốn cũng như sử dụng vốn và các hoạt động khác.

2.2.1. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng thương mại thực chất cũng là một doanh nghiệp cùng tham gia hoạt động trên thị trường. Tuy nhiên, sản phẩm hàng hóa của NHTM mang tính chất đặc thù, đóng vai trò làm trung gian tài chính “đi vay để tín dụng”. Do đó, hoạt động huy động vốn có vị trí hết sức quan trọng đối với việc tồn tại và phát triển của từng NH cũng như sự phát triển chung của xã hội.

Thông qua hoạt động huy động vốn, NH sẽ kịp thời cung ứng nguồn vốn cho các tổ chức kinh tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hơn hai mươi năm đổi mới, Ngân hàng No&PTNT huyện Vân Đồn đã vượt qua khó khăn của một địa phương vừa là huyện hải đảo miền núi, vừa là huyện nghèo của tỉnh Quảng Ninh để vươn lên bắt nhịp cùng sự tăng trưởng của đất nước, tạo dựng cho mình bề dày thành tích và là địa chỉ tin cậy của cán bộ, nhân dân các dân tộc huyện đảo.

Do vị trí địa lý đặc thù điều kiện giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí thấp, canh tác lạc hậu vì thế nơi đây chính là địa bàn rất cần sự có mặt của Ngân hàng No&PTNT.

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, dù chi nhánh NH No&PTNT huyện Vân Đồn đã làm tốt công tác huy động vốn để có đủ nguồn vốn tín dụng phục vụ phát triển kinh tế địa phương trong điều kiện địa bàn hoạt động gặp nhiều khó khăn.

Dưới đây là kết quả thực hiện công tác huy động vốn qua các năm của NH No&PTNT huyện Vân Đồn.

Bảng 2. Tổng nguồn vốn huy động năm 2012, 2013 và năm 2014

(ĐVT :triệu đồng)

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
I. Tổng nguồn vốn	223.954	100	276.624	100	386.240	100	52.670	23,52	109.616	39,63
1. Theo thành phần kinh tế	223.954	100	276.624	100	386.240	100	52.670	23,52	109.616	39,63
Các TCKT	42.542	19,00	45.413	16,42	48.634	12,59	2.871	6,75	3.221	7,09
Dân cư	179.528	80,16	229.198	82,86	333.678	86,39	49.670	27,67	104.480	45,59
Các TCTD	1.884	0,84	2.013	0,73	3.928	1,02	129	6,85	1.915	95,13
2. Theo thời gian	223.954	100	276.624	100	386.240	100	52.670	23,52	109.616	39,63
TG không kỳ hạn	44.438	19,84	35.961	13,00	46.349	12,00	-8.477	-19,08	10.388	28,89
TG có kỳ hạn	179.516	80,16	240.663	87,00	339.891	88,00	61.147	34,06	99.228	41,23
3. Theo loại tiền	223.954	100	276.624	100	386.240	100	52.670	23,52	109.616	39,63
Nội tệ	214.394	95,73	267.880	96,84	379.049	98,14	53.486	24,95	111.169	41,50
Ngoại tệ	9.560	4,27	8.744	3,16	7.191	1,86	-816	-8,54	-1.553	-17,76

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn qua các năm 2012, 2013, 2014).

Qua bảng số liệu trên đã phản ánh tình hình nguồn vốn huy động của NH qua các thời kì có nhiều biến động khác nhau, nhưng nhìn chung có xu hướng tăng trưởng và ổn định. Tổng nguồn vốn huy động năm 2012 là 223.954 triệu đồng, năm 2013 là 276.624 triệu đồng tăng 52.670 triệu đồng tương đương 23,52% so với năm 2012; và đến năm 2014 là 386.240 triệu đồng tăng 109.616 triệu đồng tương đương 39,63% so với năm 2013.

Về cơ cấu nguồn vốn theo thành phần kinh tế:

Tiền gửi dân cư chiếm tỷ trọng cao nhất trong nguồn vốn, luôn trên 80% (đạt 80,16% năm 2012; 82,86% năm 2013 và 86,39% năm 2014). Năm 2013 tăng 49.670 triệu đồng tương ứng với tốc độ tăng bằng 27,67% so với năm 2012, năm 2014 tăng 104.480 triệu đồng tốc độ tăng bằng 45,59% năm 2013.

Ngoài ra NH còn huy động từ các tổ chức kinh tế trên địa bàn, cụ thể chiếm từ 12-19%. Số tiền vốn huy động chiếm tỉ trọng nhỏ còn lại là tiền gửi các TCTD cũng có sự tăng dần

Cơ cấu nguồn vốn theo thời gian

Kết quả huy động nguồn vốn theo thời gian có sự biến động qua các năm. TG có kỳ hạn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nguồn vốn (năm 2012 đạt 80,16%; năm 2013 đạt 87% và đạt 88% năm 2014). Năm 2013 tiền gửi có kỳ hạn tăng 61.147 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 34,06% so với năm 2012. Sang năm 2014 với sự nỗ lực không ngừng của NH tiền gửi có kỳ hạn đạt 339.891 triệu đồng, tăng 99.228 triệu đồng, tỷ lệ tăng 41,23% so với năm 2013.

Cơ cấu nguồn vốn theo loại tiền

Tiền gửi bằng nội tệ luôn chiếm hơn 95% trong tổng nguồn vốn, cụ thể năm 2012 đạt 95,73%, năm 2013 đạt 96,84%, năm 2014 đạt 98,14% trong tổng nguồn vốn huy động. Nguồn nội tệ huy động qua các năm cũng tăng lên rõ rệt: năm 2013 là 267.880 triệu đồng tăng 53.486 triệu đồng so với năm 2012; năm 2014 là 379.049 triệu đồng tăng 111.169 triệu đồng so với năm 2013, tương ứng với tốc độ tăng là 41,5%.

2.2.2. Nghiệp vụ tín dụng(cho vay)**2.2.2.1. Kết quả nghiệp vụ tín dụng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.**

Tín dụng là nghiệp vụ rất quan trọng của các NHTM Việt Nam vì một mặt là nghiệp vụ sinh lời lớn nhất của các NHTM, mặt khác nó cũng cung ứng vốn cho nền kinh tế để phục vụ sản xuất – kinh doanh của đơn vị, tổ chức kinh tế cũng như cá nhân.

Do vậy ở bất kỳ NHTM nào cũng đều quan tâm làm tốt nghiệp vụ này cả về sơ lượng và chất lượng. Tại NH No&PTNT Vân Đồn trong mấy năm gần đây đã tập trung làm tốt công tác tín dụng tại địa bàn. Mặc dù những năm gần đây,

nhất là năm 2014 kinh tế gặp khó khăn, tình hình sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như hộ cá thể bị giảm sút, nhiều doanh nghiệp bị giải thể, phá sản hoặc ngừng hoạt động, tuy nhiên với sự cố gắng của ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ trong chi nhánh, hoạt động tín dụng của NH No&PTNT huyện Vân Đồn có bước tăng trưởng khá. Bảng số liệu dưới đây chứng minh điều đó.

Bảng 3. Tình hình dư nợ giai đoạn 2012, 2013 và năm 2014

Đơn vị : Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
I. Tổng dư nợ	191.197	100	236.848	100	262.233	100	45.651	23,88	25.385	10,72
1. Theo kỳ hạn	191.197	100	236.848	100	262.233	100	45.651	23,88	25.385	10,72
Dư nợ cho vay ngắn hạn	95.035	49,71	113.957	48,11	128.985	49,19	18.922	19,91	15.028	3,19
Dư nợ cho vay trung, dài hạn	96.162	50,29	122.891	51,87	133.248	50,81	26.729	28,35	10.619	8,78
2. Theo khách hàng	191.197	100	236.848	100	262.233	100	45.651	23,88	25.385	10,72
DNNN	2.000	1,05	5.000	2,11	7.2000	2,75	3.000	150,00	2.200	44,00
DN ngoài quốc doanh	17.608	9,21	29.624	12,51	32,869	12,53	12.016	68,24	3.245	10,95
Hợp tác xã	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Hộ sản xuất	171.589	89,74	202.224	85,38	222.164	84,72	30.635	17,85	19.940	9,86

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn qua các năm 2012, 2013, 2014).

Qua bảng 3 cho thấy tình hình dư nợ của chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Vân Đồn có chiều hướng tích cực, ổn định.

Cụ thể năm 2013 dư nợ đạt 236.848 triệu đồng tăng 45.651 triệu đồng so với năm 2012, năm 2014 là 262.232 triệu đồng, tăng 45.651 triệu đồng so với năm 2013.

Tín dụng theo kỳ hạn

Xét về kì hạn tín dụng, hoạt động tín dụng có nhiều biến đổi tích cực, phù hợp với yêu cầu phát triển của các thành phần kinh tế, khối lượng tín dụng ngắn, trung hạn đạt chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu tín dụng của Ngân hàng.

Điều đó cho thấy dư nợ có tính ổn định hơn, chi phí cho việc thiết lập hồ sơ tín dụng giảm đi, đồng nghĩa với việc giảm tải cho cán bộ tín dụng.

Tín dụng theo thành phần kinh tế.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy rõ tầm quan trọng của hộ sản xuất trong hoạt động tín dụng của NH. Dư nợ hộ sản xuất trong 3 năm luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ. Cụ thể năm 2012 chiếm 89,74%, năm 2013 là 85,38% tăng so với năm 2012 17,85%, năm 2014 dư nợ đối với hộ sản xuất bằng 84,72% tổng dư nợ, tăng 9,86% so với năm 2013. Điều đó cho thấy nhu cầu về vay vốn của hộ sản xuất ngày càng tăng lên rõ rệt.

NH cần chú trọng quan tâm và phát triển tín dụng đối với nhóm khách hàng này bởi nhóm đóng vai trò thiết yếu đem lại nguồn thu nhập chủ yếu cho NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.

2.2.2.2. Tình hình nợ quá hạn.

Bảng 4 : Tình hình nợ quá hạn, nợ xấu từ năm 2012-2014

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu \ Năm	Năm			So sánh 2012-2013	So sánh 2013-2014
	2012	2013	2014		
Tổng số dư nợ	191.197	236.848	262.233	45.651	25.385
Dư nợ quá hạn	441	380	1.449	-61	1.069
Dư nợ xấu	150	48	300	-102	252
Tỷ lệ nợ quá hạn(%)	0,23	0,16	0,55	-0,07	0,39
Tỷ lệ nợ xấu(%)	0,078	0,02	0,11	-0,058	0,09

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn qua các năm 2012, 2013, 2014).

Qua số liệu trên ta thấy hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng không tránh được tình trạng khủng hoảng chung của nền kinh tế. Ở năm 2013, ta thấy cả nợ quá hạn và nợ xấu đều nằm trong tầm kiểm soát, có xu hướng giảm so với năm 2012, đối với nợ xấu, năm 2013 là 48 triệu đồng chiếm 0,02% tổng dư nợ và giảm so với năm 2012 là 0,058%, đồng thời nợ quá hạn cũng giảm xuống mức 380 triệu đồng chiếm 0,16% trong tổng dư nợ giảm so với năm 2012 là 0,07%.

Tổng dư nợ tăng trong đó nợ quá hạn và nợ xấu giảm thấy rõ chất lượng tín dụng của NH là tốt, đây là cố gắng lớn của ngân hàng trong bối cảnh khó khăn như hiện nay. Tuy nhiên đến năm 2014 nợ quá hạn và nợ xấu tăng mạnh là một bài toán khó cho NH. Cụ thể năm 2014, nợ quá hạn chiếm 0,55% trong tổng dư nợ, nợ xấu chiếm 0,11% trong tổng dư nợ, nợ quá hạn tăng 0,39%, nợ xấu tăng 0,09% so với năm 2013.

Tốc độ tăng như thế cho thấy chất lượng tín dụng của NH đã giảm sút, tuy nhiên cũng phải xét đến những rủi ro do bối cảnh khó khăn chung của kinh tế trong giai đoạn này. Sang năm 2015, NH cần tăng cường các biện pháp kiểm tra,

kiểm soát nội bộ, nhằm nâng cao chất lượng tín dụng góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của chi nhánh

2.3. Thực trạng tín dụng hộ sản xuất kinh doanh tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.

2.3.1. Quan hệ với khách hàng

Khách hàng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn chiếm 80% là hộ sản xuất, chủ yếu là hộ nông dân. Trong những năm qua, thông qua nguồn vốn của mình NHNo&PTNT huyện Vân Đồn đã đáp ứng kịp thời đầy đủ nguồn vốn cho hộ sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo điều kiện cho hàng nghìn nông dân có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định và ngày càng phát triển, đảm bảo cho cuộc sống gia đình, nhiều hộ đã vươn lên làm giàu, xoá được hộ đói, giảm được hộ nghèo, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

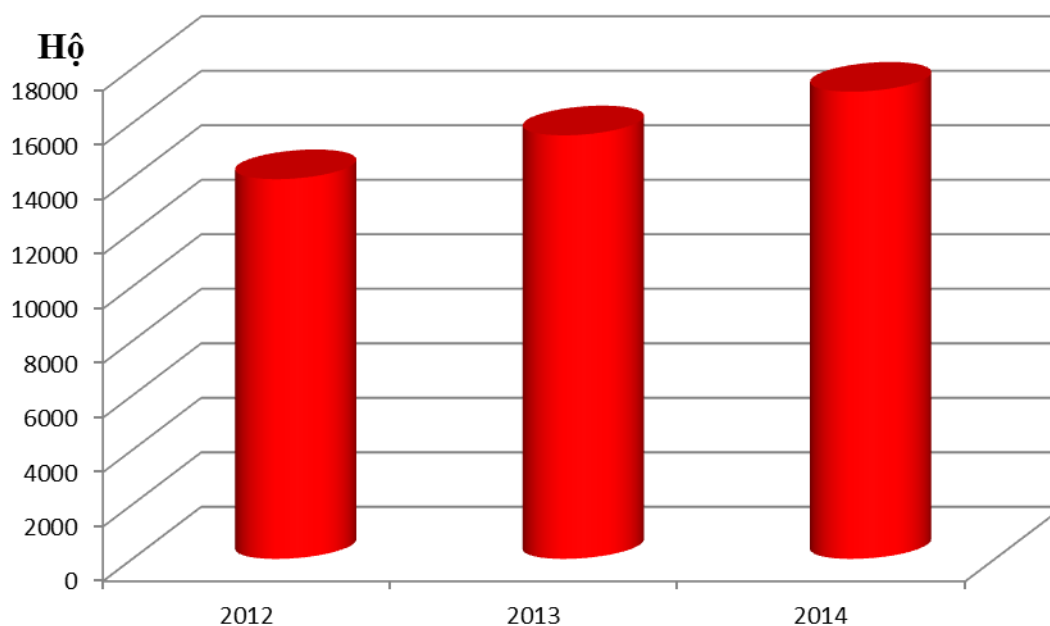
Bảng 5: Quan hệ khách hàng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 - 2014

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
1. Tổng số hộ trên địa bàn	36.305	36.550	36.624
2. Số hộ có quan hệ vay vốn NH	13.939	15.550	17.154
3. Tỷ trọng (%)	38,39	42,23	46,84
4. Số lượt hộ vay trong năm	13.050	14.182	15.050
5. Doanh số tín dụng BQ/ 1 hộ (triệu đồng)	7,1	8,4	9,13

(Nguồn: Số liệu tích lũy của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Những năm gần đây Ngân hàng đã quan tâm tới vấn đề tạo cơ sở nâng cao hiệu quả tín dụng hộ sản xuất, nâng cao số tiền vay trung bình mỗi lượt vay theo từng đối tượng vay vốn của hộ sản xuất và nâng tổng số hộ vay còn dư nợ Ngân hàng ngày càng tăng.

Cụ thể: Tổng số hộ có quan hệ tín dụng với Ngân hàng từ 13.939 hộ năm 2012 lên 15.550 hộ vào năm 2013 và lên 17.154 hộ vào năm 2014. Là do Ngân hàng đã xây dựng chính sách khách hàng hợp lý, tập trung vào nhóm khách hàng mục tiêu, giữ vững khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới, tri ân khách hàng vào những ngày sự kiện.



Biểu đồ 1: Số hộ có quan hệ vay vốn với NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 - 2014

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền và các chính sách hỗ trợ lãi suất, cho vay của Nhà nước, chính quyền địa phương cũng như NHNo&PTNT Việt Nam đã được NHNo&PTNT huyện Vân Đồn triển khai một cách có hiệu quả, thu hút được sự chú ý, quan tâm của người dân từ đó số hộ có quan hệ tín dụng với Ngân hàng được nâng cao. NHNo&PTNT huyện Vân Đồn đã nâng mức tín dụng bình quân từ 7,1 triệu/hộ năm 2012 lên 8,4 triệu/hộ năm 2013 và lên 9,13 triệu/hộ năm 2014.

Từ những phân tích trên, ta dễ dàng nhận thấy Ngân hàng đã thực hiện tốt công tác khách hàng, tuy nhiên số lượng khách hàng chủ yếu tập trung ở Thị trấn Cái Rồng, các xã như Đông Xá, Hạ Long, Quan Lan,..., các xã đảo khác số lượng khách hàng chưa nhiều, ngân hàng chưa khai thác triệt để được lượng khách hàng tiềm năng này.

Vì vậy, ngân hàng cần tổ chức việc điều tra khảo sát nhu cầu vay vốn đến hộ sản xuất, nắm bắt được nhu cầu vay vốn của khách hàng và những khó khăn vướng mắc giữa NH và khách hàng để từ đó có biện pháp triển khai giải quyết bước đầu có hiệu quả tốt.

2.3.2. Tình hình tín dụng, thu nợ, dư nợ hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.

Doanh số tín dụng, thu nợ, dư nợ đối với một NH có ý nghĩa rất quan trọng phản ánh hiệu quả tín dụng, tầm vóc của NH, bảo đảm hoạt động kinh doanh an toàn, có lãi.

Do xác định được rõ khách hàng truyền thống là các hộ nông dân, NHNo&PTNT huyện Vân Đồn luôn phấn đấu tăng doanh số tín dụng, tăng dư nợ cho hộ sản xuất. Kết quả tín dụng, thu nợ, dư nợ hộ sản xuất của NHNo&PTNT Vân Đồn được thể hiện rõ ở bảng dưới đây:

Bảng 6: Tình hình tín dụng, thu nợ, dư nợ hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 - 2014

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	So sánh 2012-2013		So sánh 2013-2014	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số tín dụng hộ	228.177	239.632	258.150	41.455	18,17	18.518	6,87
Doanh số thu nợ hộ	197.229	224.693	253.621	27.465	13,93	28.919	12,87
Dư nợ hộ sản xuất	171.589	202.224	222.164	30.635	17,85	19.940	9,86

(Nguồn : Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Qua bảng tổng hợp trên cho thấy trong 3 năm 2012, 2013, 2014: Doanh số tín dụng năm 2013 so với năm 2012 tăng 41.455 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 18,17%. Doanh số tín dụng năm 2014 so với năm 2013 tăng 18.518 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 6,87%.

Nguyên nhân dẫn đến sự tăng trưởng đều qua các năm 2012, 2013, 2014 là do các chính sách tín dụng đã được ngân hàng triển khai và áp dụng hợp lý mang lại hiệu quả, số hộ có quan hệ vay vốn với ngân hàng không ngừng được mở rộng qua các năm.

Các cán bộ tín dụng của ngân hàng trong các năm qua đã làm việc một cách tích cực, khiến cho doanh số thu nợ năm 2013 so với năm 2012 tăng

27.465 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 13,93%. Doanh số thu nợ năm 2014 so với năm 2013 tăng 28.919 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 12,87%.

Dư nợ hộ sản xuất năm 2013 so với năm 2012 tăng 30.635 triệu đồng, tỷ lệ tăng 17,85%. Dư nợ hộ sản xuất năm 2014 so với năm 2013 tăng 19.940 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 9,86%. Công tác thẩm định dự án đạt hiệu quả cao, các dự án sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế, công tác thu nợ của Ngân hàng được tiến hành thuận lợi.

Tuy nhiên, do các điều kiện khách quan như thiên tai, bão lũ khiến cho nợ xấu tăng, các hộ kinh doanh chưa có điều kiện để trả nợ cho ngân hàng nên dư nợ hộ sản xuất tăng.

2.3.2.1. Diễn biến doanh số tín dụng hộ sản xuất

Bảng 7. Doanh số tín dụng hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012 – 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số tín dụng	262.122	100	307.378	100	327.369	100	45.256	17,27	19.991	6,50
Hộ sản xuất	228.177	87,05	269.632	87,72	288.150	88,02	41.455	18,17	18.518	6,87

(Nguồn : Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Nhìn vào bảng trên ta dễ dàng nhận thấy doanh số tín dụng hộ sản xuất luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 87% từ năm 2012 -2014) trong tổng doanh số tín dụng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn, luôn không ngừng tăng trưởng đều qua các năm.

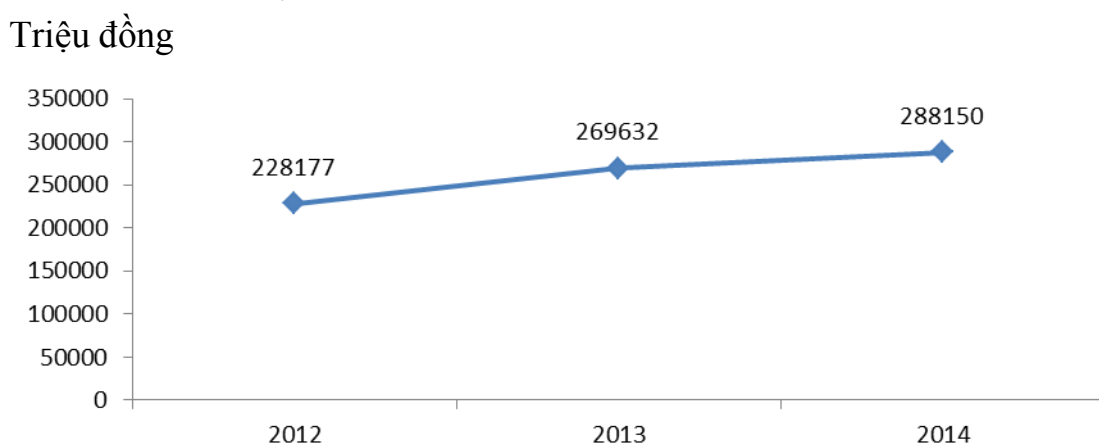
Đặc thù của huyện Vân Đồn là huyện nông nghiệp, trên 80% số hộ ở vùng nông nghiệp và nông thôn. Số lượng doanh nghiệp ít và các doanh nghiệp vay vốn số lượng vốn không lớn.

Vì thế, đối tượng tín dụng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn chủ yếu là tín dụng hộ sản xuất. Từ năm 2012 Ngân hàng tiếp tục thực hiện Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông

nghiep, nông thôn.

Mở rộng cho vay các đối tượng vay vốn theo quyết định số 2009/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh về việc hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2012 – 2015. Chính vì thế đã khiến cho doanh số tín dụng của Ngân hàng tăng trưởng đều qua các năm. Cụ thể:

Biểu đồ 2 : Doanh số tín dụng hộ sản xuất của NHNo& PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 - 2014



Theo thời gian

Bảng 8. Doanh số tín dụng hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn theo thời gian từ năm 2012 – 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Hộ sản xuất	228.177	100	269.632	100	288.150	100	41.455	18,17	18.518	6,87
Ngắn hạn	103.296	45,27	121.146	44,93	132.866	46,11	17.850	17,28	11.721	9,67
Trung – dài hạn	124.881	54,73	148.486	55,07	155.284	53,89	23.605	18,90	6.798	4,58

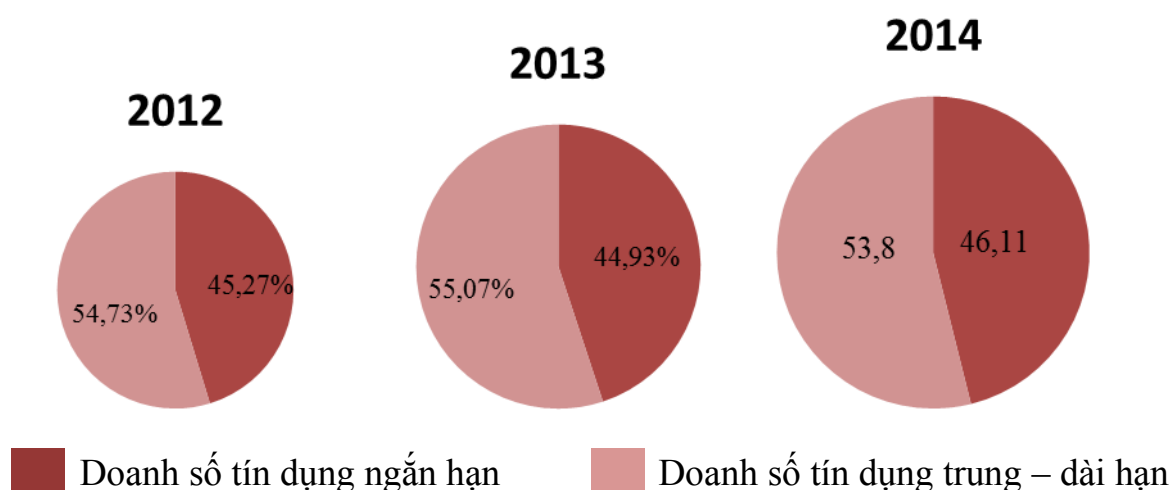
(Nguồn : Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Nhìn vào bảng số liệu trên, doanh số cho vay trung – dài hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh số cho vay của Ngân hàng, bởi vì thực tế tại huyện Vân Đồn nhu cầu xin vay vốn của người dân là để mua giống nuôi trồng thủy

hản sản, mua cây giống trồng rừng, mua máy móc phục vụ cho sản xuất,...cao và đều là các dự án sản xuất kinh doanh dài hạn, thời gian thu hồi vốn đầu tư đều trên 1 năm.

Năm 2012 đạt 124.881 triệu đồng (chiếm 54,73%) doanh số tín dụng của hộ sản xuất; năm 2013 đạt 148.486 triệu đồng (chiếm 55,07%) doanh số tín dụng của hộ sản xuất tăng 23.605 triệu đồng so với năm 2012; năm 2014 đạt 155.284 triệu đồng (chiếm 53,89%) doanh số tín dụng của hộ sản xuất, so với năm 2013 tăng hơn 6.798 triệu đồng.

Giai đoạn này (2012 -2014) ngân hàng đang tích cực triển khai các chương trình hỗ trợ lãi suất tới bà con nông dân theo chủ trương của Nhà nước cũng như địa phương nên thu hút được lượng khách hàng đông đảo là các hộ sản xuất.



Biểu đồ 3 : Doanh số tín dụng hộ sản xuất theo thời gian của NHNo& PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 - 2014

Bên cạnh đó, vay ngắn hạn chiếm một tỷ lệ không hề nhỏ trong cơ cấu doanh số cho vay hộ sản xuất. Cụ thể, năm 2013 tăng 17.850 triệu đồng so với năm 2012, tốc độ tăng nhanh (17,28%); năm 2014 tăng 11.721 triệu đồng so với năm 2013 (tốc độ tăng 9,67%). Thực tế tại huyện Vân Đồn, nhu cầu vay vốn ngắn hạn chủ yếu là để bổ sung nguồn vốn tạm thời thiếu hụt, mục đích xin vay để mua con giống, cây giống,...

Từ thực tiễn sản xuất nông – lâm – ngư – diêm nghiệp ở huyện Vân Đồn

cho thấy, tín dụng trung – dài hạn đã đáp ứng được nhu cầu vốn bị thiếu hụt của bà con nông dân tại địa bàn huyện.

Tỷ trọng cho vay trung – dài hạn cao đồng nghĩa với dư nợ tín dụng ổn định hơn, chi phí cho việc thiết lập hồ sơ cho vay giảm đi, giảm tải cho cán bộ tín dụng, tuy nhiên Ngân hàng cần phải có các biện pháp ngăn ngừa và hạn chế rủi ro (vì rủi ro tín dụng trung – dài hạn cao hơn tín dụng ngắn hạn) để việc cho vay hộ sản xuất đạt được kết quả cao và không ngừng phát triển.

Theo thành phần kinh tế

Bảng 9: Doanh số tín dụng của hộ sản xuất theo thành phần kinh tế tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số tín dụng	228.177	100	269.632	100	288.150	100	41.455	18,17	18.518	6,87
1.Trồng trọt	38.995	17,09	48.954	18,17	48.294	16,76	9.959	25,54	-660	-1,35
2. Chăn nuôi	45.818	20,08	53.642	19,89	61.981	21,51	7.824	17,08	8.339	15,55
3.Lâm nghiệp	16.178	7,09	19.440	7,21	19.947	6,92	3.262	20,16	507	2,61
4.Thủy hải sản	97.135	42,57	112.598	41,76	121.653	42,22	15.463	15,92	9.055	8,04
5.Ngành khác	30.051	13,17	34.998	12,98	36.275	12,59	4.947	16,46	1.277	3,65

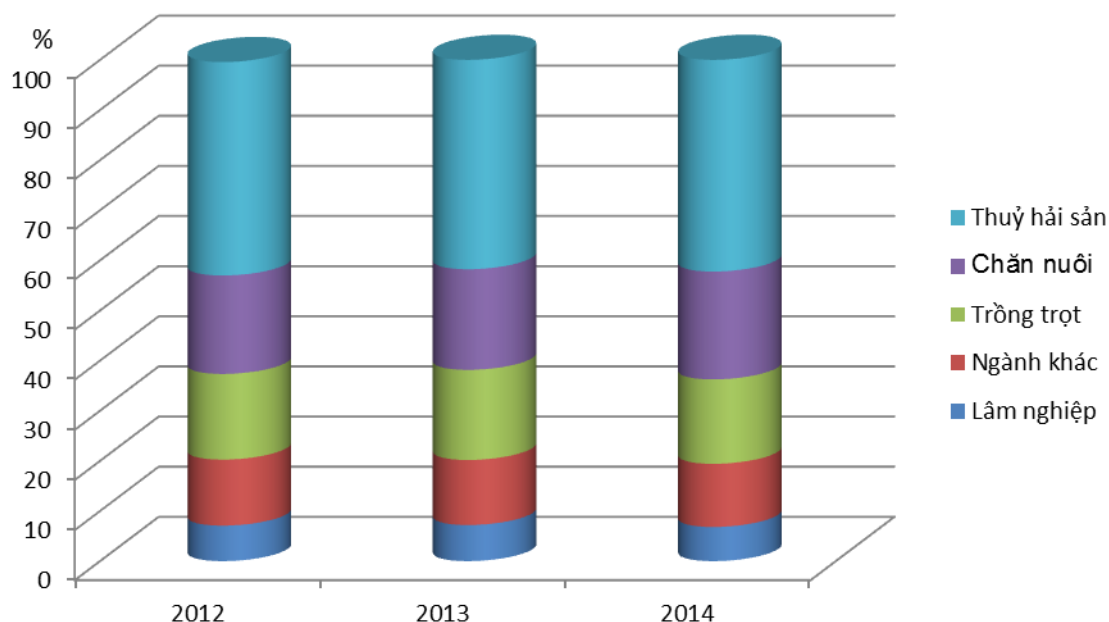
(Nguồn : Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Thủy - hải sản

Doanh số tín dụng thủy hải sản chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu và tăng đều qua các năm. Năm 2012 đạt 97.135 triệu đồng (chiếm 42,57% tổng cơ cấu doanh số tín dụng hộ sản xuất); năm 2013 đạt 112.598 triệu đồng (chiếm 41,76% tổng cơ cấu doanh số tín dụng hộ sản xuất), tăng 15.462 triệu đồng so với năm 2012; năm 2014 doanh số tín dụng thủy hải sản tiếp tục tăng, đạt 121.653 triệu đồng (chiếm 42,22% tổng cơ cấu doanh số tín dụng hộ sản xuất),

tăng 9.055 triệu đồng so với năm 2013.

Biểu đồ 4: Doanh số tín dụng hộ sản xuất theo thành phần kinh tế của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 - 2014



Doanh số tín dụng thủy hải sản chiếm tỷ trọng cao và không ngừng mở rộng là do nền kinh tế huyện Vân Đồn chủ yếu là kinh tế biển (nuôi trồng và đánh bắt hải sản).

Vùng biển của huyện có nhiều chủng loại hải sản quý như tôm he, cá mực, sá sùng, cua, ghẹ, bào ngư, cá song,... thuận lợi cho việc nuôi trồng hải sản, mặt khác, nghề khai thác hải sản có từ lâu đời (đánh bắt xa bờ, nuôi cá lồng bè,...).

Chính vì thế, mục đích vay vốn chủ yếu của các hộ sản xuất là vay vốn để phục vụ cho lĩnh vực thủy hải sản - lợi thế cũng như là thế mạnh của vùng.

Lâm nghiệp

Bên cạnh đó, doanh số tín dụng Lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong tổng cơ cấu. Năm 2012 đạt 16.178 triệu đồng chiếm 7,09%, năm 2013 là 19.440 triệu đồng tương đương 7,21%; năm 2014 đạt 19.947 triệu đồng tương đương 6,92%.

Các hộ vay vốn để xin trồng rừng, ươm giống cây lâm nghiệp, khai thác gỗ,...tập trung chủ yếu ở các xã miền núi, trình độ dân trí thấp, nên chưa mạnh

dạn vay vốn ngân hàng để mở rộng sản xuất kinh doanh.

Trồng trọt

Ngành trồng trọt bao gồm các loại như: trồng lúa, trồng rau, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả,...Tuy đất đai ở địa bàn huyện rất màu mỡ thuận lợi cho việc trồng các loại cây ăn quả, cây lâu năm, nhưng số lượng vay vốn để trồng trọt chưa cao.

Năm 2012, doanh số tín dụng trồng trọt đạt 38.995 triệu đồng, tương đương 17,09%; năm 2013 đạt 48.954 triệu đồng tương đương 18,17%. Tranh thủ được các nguồn vốn, chính sách hỗ trợ của Chính phủ, địa phương nên người dân đã mạnh dạn mở rộng diện tích trồng trọt, doanh số tín dụng tăng cao.

Tuy nhiên, đến năm 2014, do nhu cầu từ đời sống của người dân trong huyện, cơ cấu dần chuyển dịch về thủy hải sản, chăn nuôi nên doanh số tín dụng trồng trọt giảm nhẹ. Năm 2014 đạt 48.294 triệu đồng (tương đương 16,76%), giảm 660 triệu đồng, tốc độ giảm 1,35%.

Chăn nuôi

Trong năm 2012 doanh số tín dụng chăn nuôi đạt 45.818 triệu đồng (tương đương 20,08%) tổng doanh số tín dụng; năm 2013 đạt 53.642 triệu đồng (tương đương 19,89%), tăng 7.824 triệu đồng so với năm 2012, tốc độ tăng là 17,08%; năm 2014 đạt 61.981 triệu đồng (tương đương 21,51%), tăng 8.339 triệu đồng so với năm 2013, tốc độ tăng nhanh 15,55%.

Nguyên nhân tăng là do tổng sản lượng ngành chăn nuôi tăng qua các năm, trong đó số lượng gia súc, gia cầm cao, bò, dê là loài gia súc dễ nuôi, giá bán giảm không đáng kể, chỉ đầu tư về con giống, không phải tốn nhiều chi phí cho thức ăn và cho hiệu quả kinh tế cao.

Ngành khác

Các ngành khác bao gồm làm các sản phẩm thủ công nghiệp, đồ lưu niệm, nghề truyền thống,...cũng được địa phương thúc đẩy mạnh, khuyến khích người dân mở rộng và phát triển nên doanh số tín dụng của các ngành nghề này cũng ổn định và có xu hướng tăng qua các năm. Năm 2012 đạt 30.051 triệu đồng; năm 2013 đạt 34.998 triệu đồng; năm 2014 đạt 36.275 triệu đồng.

2.3.2.2. Diễn biến doanh số thu nợ hộ sản xuất

Doanh số thu nợ là số tiền mà Ngân hàng thu được từ doanh số cho vay trong năm và nợ chưa đến hạn thanh toán của các năm trước chuyển sang và tất

cả các khoản nói trên đều là nợ trong hạn. Cùng với doanh số cho vay thì doanh số thu nợ là một vấn đề mà Ngân hàng đặc biệt quan tâm. Dựa vào doanh số thu nợ mà ta có thể biết được tình hình quản lý vốn, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, tính chính xác khi thẩm định, đánh giá khách hàng để cho vay vốn của cán bộ tín dụng Ngân hàng.

Bảng 10. Doanh số thu nợ tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn của hộ sản xuất từ năm 2012 – 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số thu nợ	226.569	100	256.148	100	288.130	100	29.579	13,06	31.982	12,49
Hộ sản xuất	197.299	87,05	224.693	87,72	253.621	88,02	27.394	13,88	28.928	12,87

(Nguồn : Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Do doanh số tín dụng của hộ sản xuất chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh số tín dụng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn nên doanh số thu nợ của hộ sản xuất đương nhiên chiếm phần lớn doanh số thu nợ của ngân hàng (trên 87%). Doanh số này không ngừng được cải thiện và nâng cao qua các năm.

Năm 2012 đạt 197.299 triệu đồng, năm 2013 đạt 224.693 triệu đồng tăng 27.394 triệu đồng so với năm 2012; năm 2014 đạt 253.621 triệu đồng, tăng hơn 28.928 triệu đồng so với năm 2013.

Để đạt được những con số ấn tượng đó không thể không nhắc tới sự nỗ lực không ngừng nghỉ của cán bộ tín dụng của chi nhánh trong việc thực hiện tốt các quy trình tín dụng, các phương án sản xuất kinh doanh của các hộ sản xuất đạt kết quả khả quan chính vì thế có điều kiện trả nợ cho ngân hàng.

Công tác thu hồi nợ của Ngân hàng đạt hiệu quả cao tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn lưu thông, đảm bảo nguồn vốn hiện có, đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng.

Doanh số thu nợ theo thời gian

Bảng 11. Doanh số thu nợ của hộ sản xuất tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Hộ sản xuất	197.299	100	224.693	100	253.621	100	27.394	13,88	28.928	12,87
Ngắn hạn	93.920	47,62	104.100	46,33	119.502	47,12	10.180	10,84	15.401	14,79
Trung – dài hạn	103.308	52,38	120.593	53,67	134.110	52,88	17.285	16,73	13.517	11,21

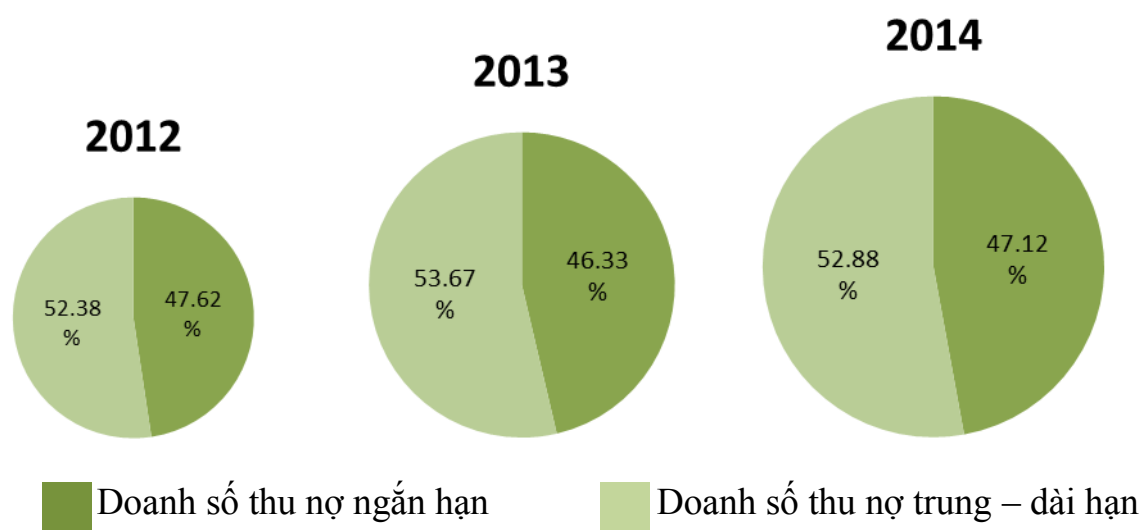
(Nguồn : Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy qua các năm, doanh số thu nợ trung – dài hạn của hộ sản xuất luôn dẫn đầu. Cụ thể: Năm 2012 đạt 103.308 triệu đồng (chiếm 52,38% tổng cơ cấu), năm 2013 đạt 120.593 triệu đồng (chiếm 53,67% tổng cơ cấu) tăng 17.285 triệu đồng so với năm 2012; năm 2014 đạt 134.110 triệu đồng (chiếm 52,88% tổng cơ cấu), tăng hơn 13.517 triệu đồng so với năm 2013.

Doanh số thu nợ trung – dài hạn của hộ sản xuất tăng là do doanh số tín dụng trung – dài hạn tăng, cùng với đó là các dự án, phương án sản xuất kinh doanh cho vay trước đó đã mang lại hiệu quả kinh tế, điều này khẳng định chất lượng các dự án, phương án cho vay của ngân hàng là tốt, công tác thẩm định thực hiện đúng quy trình.

Song với đó, doanh số thu nợ ngắn hạn chiếm một phần nhỏ hơn, năm 2012 chiếm 47,62% tổng cơ cấu; năm 2013 chiếm 46,33% tổng cơ cấu; năm 2014 chiếm 47,12% tổng cơ cấu. Các phương án cho vay bổ sung nguồn vốn tạm thời thiếu hụt, cho vay mua cây giống, vật nuôi trước đó đã phát huy hiệu quả, đội ngũ cán bộ tín dụng đã bám sát các khoản vay từ đó công tác thu nợ được tiến hành thuận lợi.

Biểu đồ 5: Doanh số thu nợ hộ sản xuất theo thời gian của NHNo& PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 - 2014



Doanh số thu nợ theo thành phần kinh tế

Bảng 12: Doanh số thu nợ hộ sản xuất theo thành phần kinh tế tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số thu nợ	197.299	100	224.693	100	253.621	100	27.394	13,88	28.928	12,87
1.Trồng trọt	29.854	15,13	38.670	17,21	43.266	17,06	8.829	29,59	4.596	11,89
2. Chăn nuôi	37.058	18,78	49.500	22,03	56.911	22,44	12.500	33,78	7.411	14,97
3.Lâm nghiệp	17.494	8,87	17.931	7,98	18.311	7,33	436	2,49	380	2,12
4.Thủy hải sản	86.800	43,99	88.439	39,36	103.093	40,65	1.639	1,89	14.654	16,57
5.Ngành khác	26.093	13,23	30.153	13,42	32.031	12,63	4.060	15,56	1.877	6,23

(Nguồn : Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Thủy - hải sản

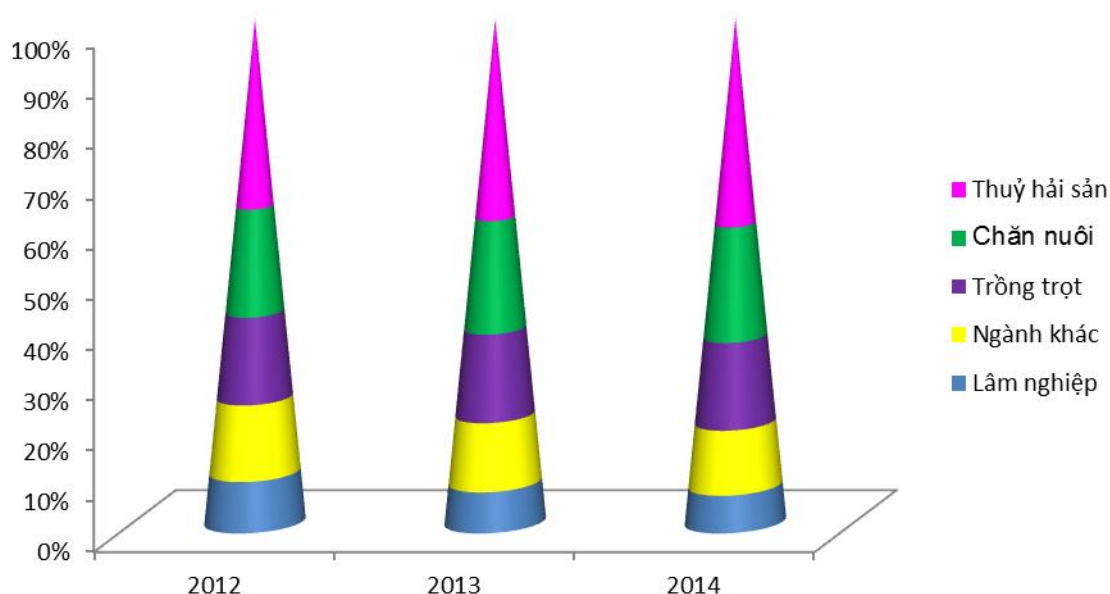
Doanh số thu nợ thủy hải sản chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu và tăng đều qua các năm. Năm 2012 đạt 86.800 triệu đồng (chiếm 43,99% tổng cơ cấu doanh số tín dụng hộ sản xuất); năm 2013 đạt 88.439 triệu đồng (chiếm 39,36% tổng cơ cấu doanh số tín dụng hộ sản xuất), tăng 1.639 triệu đồng so với năm 2012;

Nguyên nhân giảm cơ cấu từ 43,99% năm 2012 xuống còn 39,36% năm 2013 là do trong năm 2013, huyện Vân Đồn phải hứng chịu nhiều cơn bão lớn, khiến cho hoạt động đánh bắt thủy sản xa bờ gặp khó khăn, nhiều hộ nuôi trồng thủy - hải sản chịu thiệt hại nặng nề, cùng với đó là dịch bệnh ở hàu khiến cho nhiều hộ làm ăn thua lỗ, công tác thu nợ gặp khó khăn.

Sang năm 2014 doanh số tín dụng thủy hải sản tiếp tục tăng, đạt 103.093 triệu đồng (chiếm 40,65% tổng cơ cấu doanh số tín dụng hộ sản xuất), tăng 14.654 triệu đồng so với năm 2013.

Ngành du lịch của huyện Vân Đồn ngày càng phát triển, cùng với đó là hệ thống giao thông nối liền với các vùng ngày càng được mở rộng và hoàn thiện, khiến cho nhu cầu về hải sản ngày càng tăng cao. Nhiều mặt hàng hải sản trở thành đặc sản của vùng, được nhiều người yêu thích như hàu, mực, tôm, bêche, tù hải,...

Chính vì thế khiến cho ngành thủy - hải sản ở huyện Vân Đồn phát triển mạnh mẽ, đem lại hiệu quả kinh tế cao, nguồn trả nợ ổn định, tăng trưởng đều qua các năm, chính vì thế doanh số thu nợ của ngành thủy - hải sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng cơ cấu doanh số thu nợ và không ngừng tăng từ năm 2012 – 2014.



Biểu đồ 6 : Doanh số thu nợ hộ sản xuất theo thành phần kinh tế của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 – 2014

Lâm nghiệp

Cùng với đó, doanh số thu nợ ngành Lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu thu nợ của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn. Từ năm 2012 – 2014, trên địa bàn huyện thường xuyên xảy ra các vụ cháy rừng với quy mô nhỏ vào mùa khô, gây thiệt hại lớn đối với các hộ trồng cây khai thác gỗ, ngành Lâm nghiệp ở huyện chưa thực sự phát triển do người dân chưa có định hướng mở rộng phát triển ngành nghề, trình độ dân trí thấp nên hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao, đó đều là các nguyên nhân dẫn đến tình trạng doanh số thu nợ ngành Lâm nghiệp chiếm tỷ trọng thấp trong tổng cơ cấu, cơ cấu thu hẹp dần.

Năm 2012, doanh số thu nợ ngành lâm nghiệp đạt 17,494 triệu đồng (tương đương 8,87%) tổng cơ cấu; Năm 2013 đạt 17.931 triệu đồng (tương đương 7,98%) tổng cơ cấu, tăng 436 triệu đồng so với năm 2012, tốc độ tăng nhẹ (2,49%); Năm 2014 doanh số thu nợ đạt 18.311 triệu đồng (tương đương 7,33%), tăng hơn so với năm 2013 380 triệu, tốc độ tăng chậm 2,12%.

Trồng trọt

Ngành trồng trọt có xu hướng tăng qua các năm, tuy nhiên tỷ trọng trong cơ cấu doanh số thu nợ tăng nhưng không ổn định. Năm 2012 đạt 29.854 triệu đồng (tương đương 15,13%) trong tổng cơ cấu doanh số thu nợ; năm 2013 đạt

38.670 triệu đồng (tương đương 17,21%), tăng 8.829 triệu đồng so với năm 2012, tốc độ tăng nhanh 29,59%; năm 2014 đạt 43.266 triệu đồng (tương đương 17,06%), tăng 4.596 triệu đồng so với năm 2013, tốc độ tăng 11,89%.

Nguyên nhân có sự tăng trưởng mạnh trong doanh số thu nợ của ngành trồng trọt từ năm 2012 – 2013 là do các phương án vay vốn trồng cây ăn qua lâu năm trước đó, đến thời điểm này được thu hoạch, các hộ sản xuất có điều kiện trả nợ cho ngân hàng. Năm 2014, tuy cơ cấu có thu hẹp, nhưng không đáng kể, số tiền thu nợ vẫn tăng so với các năm trước đó, doanh số tín dụng năm 2014 tăng so với các năm trước.

Chăn nuôi

Chăn nuôi là ngành chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong tổng cơ cấu doanh số thu nợ của NHNo&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn. Doanh số thu nợ ngành chăn nuôi ngày càng tăng qua các năm và không ngừng được mở rộng. Năm 2012 đạt 37.000 triệu đồng (tương đương 18,67%) trong tổng cơ cấu doanh số thu nợ; năm 2013 đạt 49.500 triệu đồng (tương đương 22,03%), tăng 12.500 triệu đồng so với năm 2012, tốc độ tăng khá cao 33,78%; Năm 2014 đạt 56.911 triệu đồng (tương đương 22,44%), tăng 7.411 triệu đồng so với năm 2013, tốc độ tăng nhanh 14,97%.

Trong thời gian từ năm 2012 – 2014, ngành chăn nuôi được khuyến khích phát triển, mở rộng, đặc biệt là ở các xã miền núi, hải đảo. Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, nuôi các giống lợn, gà đem lại hiệu quả kinh tế cao, cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện, thu nhập tăng, có điều kiện trả nợ cho ngân hàng.

Ngành khác

Bên cạnh việc chú trọng phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, chính quyền địa phương cũng không ngừng có các chương trình, chính sách hỗ trợ người dân phát triển các ngành nghề truyền thống của huyện chế biến thủy - hải sản làm nước mắm, đồ khô,..., ngày càng có các sản phẩm cải tiến hơn về chất lượng và mẫu mã. Đời sống của người dân huyện đảo ngày càng được cải thiện.

Năm 2012, cơ cấu thu nợ ngành khác đạt 26.093 triệu đồng (tương đương 13,23%) trong tổng cơ cấu; năm 2013 đạt 30.154 triệu đồng (tương đương 13,42%), tăng 4.060 triệu đồng, tốc độ tăng nhanh (15,56%) so với năm 2012; Năm 2014 đạt 32.031 triệu đồng (tương đương 12,63%), tăng 1.877 triệu đồng

so với năm 2013, tốc độ tăng 6,23%.

2.3.2.3. Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất

Nếu doanh số tín dụng phản ánh kết quả hoạt động tín dụng thì dư nợ phản ánh thực trạng hoạt động tín dụng. Dư nợ cho vay tại ngân hàng phản ánh mức đầu tư vốn và liên quan trực tiếp đến việc tạo ra lợi nhuận cho ngân hàng. Dư nợ là kết quả có được từ diễn biến tình hình cho vay và thu nợ, nó thể hiện số vốn mà ngân hàng đã cho vay nhưng chưa thu hồi tại thời điểm báo cáo.

Dư nợ là vấn đề rất được ngân hàng quan tâm trong hoạt động kinh doanh của mình bên cạnh doanh số cho vay để có thể đánh giá đúng năng lực khách hàng. Muốn vậy, Ngân hàng phải chọn cho mình những khách hàng quen thuộc đảm bảo về mặt tài chính có dư nợ lớn nhưng có uy tín đối với Ngân hàng.

Bảng 13: Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất của NHNo& PTNT huyện Vân Đồn năm 2012 - 2014

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng dư nợ	191.197	100	236.848	100	262.233	100	45.651	23,88	25.385	10,72
Dư nợ hộ sản xuất	171.589	89,74	202.224	85,38	222.164	84,72	30.635	17,85	19.940	9,86

(Nguồn : Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Qua bảng số liệu trên, dư nợ hộ sản xuất chiếm tỷ trọng rất cao trong tổng dư nợ của Ngân hàng, từ đó càng thấy rõ hơn tầm quan trọng của đối tượng khách hàng hộ sản xuất trong hoạt động kinh doanh tín dụng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.

Cụ thể năm 2012 đạt 171.589 triệu đồng, chiếm 89,74% trong tổng cơ cấu; năm 2013 là 202.224 triệu đồng (tương đương 85,38%), tăng so với năm 2012 30.635 triệu đồng, tốc độ tăng nhanh (17,85%); năm 2014 dư nợ đối với hộ sản xuất là 222.164 triệu đồng (tương đương 84,72%) tổng dư nợ, tăng 19.040 triệu đồng, tốc độ tăng 9,86% so với năm 2013.

Nhu cầu về vay vốn của hộ sản xuất ngày càng tăng lên rõ rệt, do hoạt động

kinh tế chính của huyện là hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy hải sản, tuy nhiên, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, có ít tàu thuyền đánh bắt cá có khả năng đánh bắt ở khơi xa chủ yếu vẫn là tàu thuyền do các hộ dân cư tự khai thác, vì vậy dư nợ đối với thành phần hộ gia đình chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ.

Ngân hàng cần chú trọng và quan tâm phát triển tín dụng hơn nữa đối với đối tượng khách hàng này, củng cố khách hàng truyền thống, mở rộng nhóm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

Cơ cấu dư nợ theo thời gian

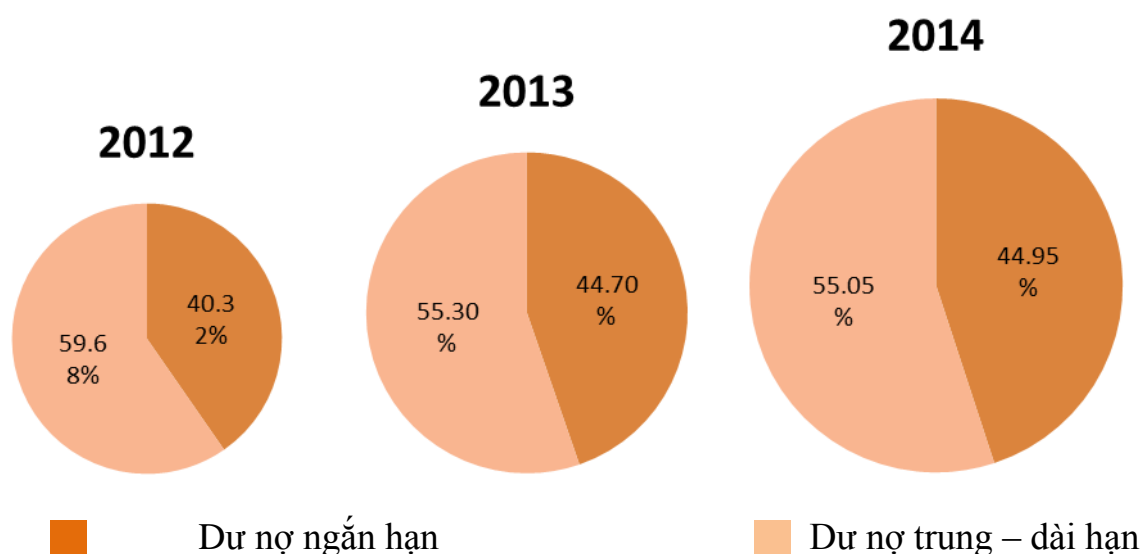
Bảng 14: Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất theo thời gian của NHNo& PTNT huyện Vân Đồn năm 2012 - 2014

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
I. Dư nợ hộ sản xuất	171.589	100	202.224	100	222.164	100	30.635	17,85	19.940	9,86
1. Dư nợ ngắn hạn	69.185	40,32	90.394	44,70	99.863	44,95	21.209	30,66	19.940	10,47
2. Dư nợ trung- dài hạn	102.404	59,68	111.830	55,30	122.301	55,05	9.426	9,20	10.471	9,36

(Nguồn : Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Qua nghiên cứu số liệu trên cho thấy tốc độ tăng trưởng chung của kinh tế hộ qua các năm đều tăng nhanh kể cả ngắn hạn và trung dài hạn. Trong 3 năm 2012, 2013, 2014 tỷ trọng tín dụng trung - dài hạn trong tổng dư nợ kinh tế hộ đều trên 55%, hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành. Tỷ trọng tín dụng trung hạn cao đồng nghĩa với dư nợ có tính ổn định hơn, chi phí cho việc thiết lập hồ sơ tín dụng giảm đi, giảm tải cho cán bộ tín dụng.



Biểu đồ 7 : Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất theo thời gian của NHNo& PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 - 2014

Bên cạnh đó tăng trưởng dư nợ ngắn hạn tăng dần qua các năm. Năm 2013 tăng so với năm 2012 là 21.209 triệu đồng (tăng 30,66%). Năm 2014 tăng 9.496 triệu đồng so với năm 2013 (tăng 10,47%). Dư nợ kinh tế hộ cũng có chiều hướng tăng tương đối nhanh. Điều này chứng tỏ NHNo&PTNT huyện Vân Đồn đã đặc biệt quan tâm đến công tác tín dụng và không ngừng nâng cao hiệu quả tín dụng đảm bảo đồng vốn sử dụng đúng mục đích, có tác dụng hỗ trợ các thành phần kinh tế, các hộ gia đình phát triển sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả.

Cơ cấu dư nợ theo ngành nghề.

Cơ cấu kinh tế của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của địa phương.

Bảng 15: Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất theo ngành nghề của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012 - 2014

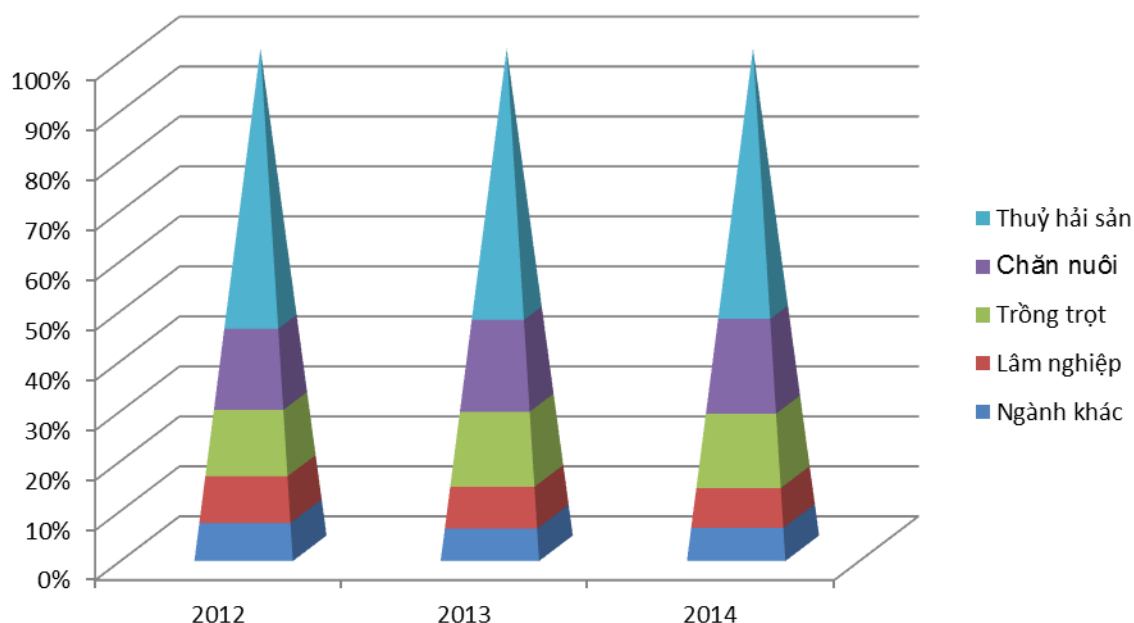
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2012-2013		2013-2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Dư nợ kinh tế hộ	171.589	100	202.224	100	222.164	100	30.635	17,85	19.940	9,86
1. Trồng trọt	22.238	12,96	29.626	14,65	32.236	14,51	7.388	33,22	2.610	8,81
2. Chăn nuôi	27.180	15,84	36.198	17,90	41.011	18,46	9.018	33,18	4.813	13,30
3. Lâm nghiệp	15.597	9,09	16.501	8,16	17.351	7,81	904	5,80	850	5,15
4. Thủy hải sản	92.825	54,68	107.118	52,97	117.258	52,78	23.293	14,17	10.140	9,47
5. Ngành khác	12.749	7,43	12.781	6,32	14.307	6,44	31	0,25	1.527	11,95

(Nguồn : Cân đối tài khoản tổng hợp của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012, 2013, 2014)

Thủy - hải sản

Vân Đồn là một huyện miền núi hải đảo, nguồn thu nhập chủ yếu là sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp. Đặc biệt ngành đánh bắt thủy hải sản phát triển khá mạnh, tiêu biểu là nuôi trồng tù hải, hàu biển, nuôi cá lồng bè. Đến nay đã có hơn 2000 hộ gia đình và tập thể nuôi trồng. Trong 3 năm 2012, 2013, 2014 ngành thủy hải sản đều chiếm trên 52% tỷ trọng trong dư nợ hộ sản xuất. Năm 2013 tăng 13.293 triệu đồng so với năm 2012, tỷ lệ tăng 14,17%. Năm 2014 tăng 10.140 triệu đồng so với năm 2013, tỷ lệ tăng 9,47%.



Sơ đồ 8: Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất theo ngành nghề của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn năm 2012 - 2014

Lâm nghiệp

Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất ngành lâm nghiệp thu hẹp dần qua các năm từ 2012 – 2014. Năm 2012, dư nợ hộ sản xuất ngành lâm nghiệp đạt 15.597 triệu đồng (tương đương 9,09%) tổng cơ cấu; năm 2013 đạt 16.501 triệu đồng (tương đương 8,16%) tổng cơ cấu; năm 2014 đạt 17.315 triệu đồng (tương đương 7,81%) tổng cơ cấu. Nguyên nhân có sự dịch chuyển dần cơ cấu dư nợ hộ sản xuất ngành lâm nghiệp sang các ngành khác là vì nhiều phương án trồng rừng lấy gỗ chưa thực sự hiệu quả, lợi ích kinh tế đem lại chưa cao, vì thế khả năng thu lại vốn thấp, gây khó khăn cho công tác thu nợ của ngân hàng.

Trồng trọt

Ngành trồng trọt, của huyện trong 3 năm qua cũng đạt được những kết quả khả quan. NH đã chuyển đổi cơ cấu tín dụng cây trồng bằng cách cho vay cải tạo vườn tạp thành vườn cây ăn quả, trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao.

Năm 2012 dư nợ hộ sản xuất ngành trồng trọt đạt 22.238 triệu đồng (tương đương 12,96%); năm 2013 đạt 29.626 triệu đồng (tương đương 14,65%) trong tổng cơ cấu, tăng 7.388 triệu đồng so với năm 2012; năm 2014 đạt 32.236 triệu đồng (tương đương 14,51%), tăng 2.610 triệu đồng so với năm 2013.

Chăn nuôi

Ngành chăn năm 2012 đạt 27.180 triệu đồng (tương đương 15,84%); năm 2013 đạt 36.198 triệu đồng (tương đương 17,90%), tăng 9.018 triệu đồng so với năm 2012; năm 2014 đạt 41.011 triệu đồng (tương đương 18,46%), tăng 4.813 triệu đồng so với năm 2013.

Ngành chăn nuôi được chú trọng, và khuyến khích phát triển, nhân rộng, Ngân hàng đã chuyển đổi cơ cấu tín dụng cây trồng vật nuôi bằng cách cải tạo ao hồ trồng thành vườn và ao nuôi cá, lập các trang trại chăn nuôi quy mô vừa, đem lại hiệu quả kinh tế.

Ngành khác

Ba năm qua, huyện Vân Đồn đã chuyển dịch cơ cấu theo hướng thương mại, dịch vụ, du lịch phù hợp với tiềm năng của huyện đảo. Vì thế, các ngành khác (bao gồm: thương mại, du lịch, dịch vụ) cũng có bước phát triển tích cực. Tăng 31 triệu đồng từ năm 2012 đến năm 2013 (tốc độ tăng 0,25%); từ năm 2013 đến năm 2014 tăng 1527 triệu đồng (tốc độ tăng 11,95%).

2.3.3. Tình hình hiệu quả tín dụng hộ sản xuất tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.**2.3.3.1. Thực trạng nợ quá hạn**

Mỗi khoản tín dụng cấp cho khách hàng luôn đòi hỏi phải được thu hồi đúng hạn. Đây là cơ sở đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của ngân hàng. Tuy nhiên thực tế cho thấy có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc khách hàng không trả nợ đúng hạn để lại các khoản nợ tồn đọng trong Ngân hàng. Vì vậy, hạn chế đến mức thấp nhất các khoản nợ quá hạn luôn là một mối quan tâm hàng đầu của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn

Nợ quá hạn thể hiện mối quan hệ tín dụng không hoàn hảo, gây đổ vỡ về uy tín, lòng tin của ngân hàng đối với khách hàng. Nợ quá hạn còn biểu hiện về rủi ro tín dụng, đe dọa khả năng thu hồi vốn (gốc, lãi) của ngân hàng, nó là một quan hệ tín dụng không lành mạnh.

Nợ quá hạn của HSX của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn được thể hiện rõ nét ở bảng sau:

Bảng 16: Tình hình nợ quá hạn HSX của NHNo&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn năm 2012 - 2014

(Đơn vị: Triệu đồng)

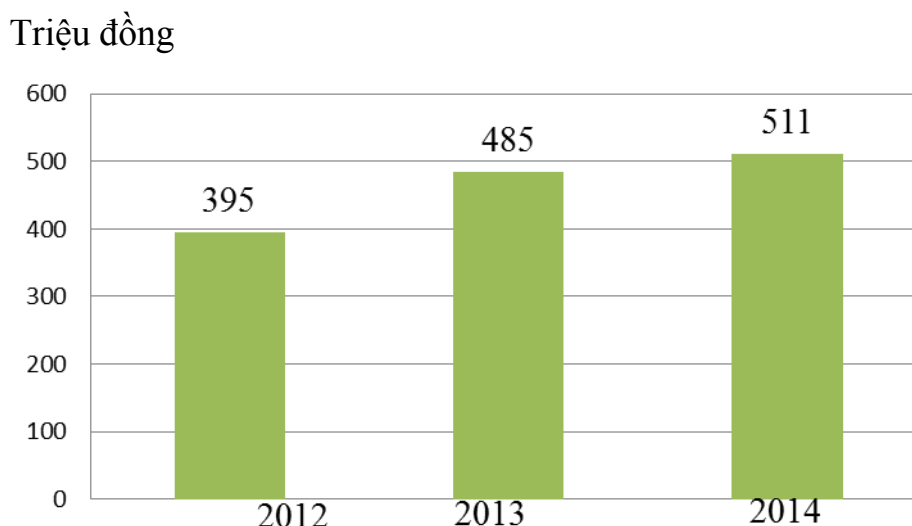
Năm	2012	2013	2014
Chỉ tiêu			
Tổng số dư nợ HSX	171.589	202.224	222.164
Dư nợ quá hạn HSX	395	485	511
Nợ quá hạn/ Tổng dư nợ HSX (%)	0,23	0,24	0,23

(Nguồn : Báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn các năm 2012, 2013, 2014)

Mấy năm trở lại đây, nợ quá hạn đối với tín dụng HSX có chiều hướng tăng dần, Năm 2012 là 395 triệu đồng; năm 2013 tăng lên 485 triệu đồng; năm 2014 đạt 511 triệu đồng. Nguyên nhân khiến cho nợ quá hạn đối với tín dụng hộ sản xuất tăng là do: Mục đích vay vốn chính là để phục vụ cho các dự án sản xuất – kinh doanh – nuôi trồng thuỷ hải sản, cùng với trồng trọt, chăn nuôi. Đây đều là những ngành nghề chịu nhiều rủi ro do yếu tố thời tiết, và các điều kiện khách quan khác.

Trong các năm qua (từ 2012 – 2014), huyện Vân Đồn phải hứng chịu nhiều cơn bão lớn, gây thiệt hại lớn về người và của, ảnh hưởng rất lớn tới tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân trên địa bàn huyện, đặc biệt là các ngành kinh tế mũi nhọn như thuỷ - hải sản, trồng trọt,...khiến cho nhiều hộ sản xuất không thể trả được nợ, dẫn tới nợ quá hạn. Bên cạnh đó, do suy thoái kinh tế, lạm phát tăng cao, tình hình kinh doanh gặp khó khăn cũng là một nguyên nhân khiến cho nợ quá hạn tăng.

Song tỷ lệ Nợ quá hạn/ Tổng dư nợ tín dụng lại có xu hướng giảm. Điều đó cho thấy đó là dấu hiệu tốt. Kết quả trên cho thấy tỷ lệ nợ quá hạn đối với HSX của ngân hàng ở mức thấp (năm 2014 là 0,23%) , thấp so với tỷ lệ nợ quá hạn chung của toàn tỉnh Quảng Ninh cũng như của hệ thống NHNo Việt Nam.



Biểu đồ 9: Dư nợ quá hạn hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn từ năm 2012 - 2014

Mặc dù hộ sản xuất vay vốn đều sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông, ngư nghiệp với quy mô nhỏ, chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện tự nhiên và tác động của nền kinh tế trong điều kiện lạm phát nhưng kết quả nổi bật trong hoạt động tín dụng HSX những năm qua là tỷ lệ nợ quá hạn hàng năm thấp, nhỏ hơn rất nhiều mức trung bình của NHNo&PTNT Quảng Ninh (<2,5%). Có được những kết quả trên là do NHNo&PTNT huyện Vân Đồn đã có nhiều biện pháp tích cực thu hồi nợ quá hạn, một phần được xử lý rủi ro.

2.3.3.2. Vòng quay vốn tín dụng

Vòng quay vốn tín dụng là chỉ tiêu đo lường hiệu quả vốn tín dụng của NH nói chung và hiệu quả tín dụng HSX nói riêng.

Các số liệu trong bảng sau sẽ phản ánh được tình hình luân chuyển vốn qua các năm, qua đó cũng cho ta thấy được kết quả trả nợ của khách hàng.

Bảng 17: Vòng quay vốn tín dụng HSX giai đoạn 2012-2014

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
1. Doanh số trả nợ	197.229	224.693	253.612
2. Dư nợ đầu năm	141.472	102.404	176.718
3. Dư nợ cuối năm	102.404	176.718	144.322
4. Dư nợ bình quân	156.531	139.6560,9	160.519,6
5. Vòng quay VTD (vòng)	1,62	1,61	1,58

(Nguồn : Các Báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh

của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn các năm 2012, 2013, 2014)

Vòng quay vốn tín dụng của HSX nhìn chung cao, cao hơn vòng quay vốn tín dụng chung (1%). Điều này phản ánh hiệu quả tín dụng đã có sự nâng cao trong việc luân chuyển vốn, đáp ứng được nhu cầu vay vốn của khách hàng.

Tuy nhiên, nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy năm 2012 số vòng quay là 1,62 vòng, sau đó giảm xuống 1,61 vòng năm 2013 và đến năm 2014 còn 1,58 vòng. Mặc dù con số giảm không đáng kể song NH cần lưu ý vì nếu vòng quay vốn tín dụng giảm và thấp sẽ là nguyên nhân gây phát sinh nợ xấu tiềm ẩn, ảnh hưởng tới chất lượng tín dụng. Vì vậy cần phải có những biện pháp hợp lý để đẩy mạnh vòng quay vốn tín dụng hơn nữa để nâng cao hiệu quả tín dụng nói chung và hiệu quả tín dụng hộ sản xuất nói riêng.

2.4. Đánh giá chung về hiệu quả tín dụng hộ sản xuất tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn

2.4.1. Những kết quả đạt được

Được sự ủng hộ của cấp uỷ, chính quyền địa phương và các đoàn thể, hiệu quả tín dụng của Ngân hàng đang từng bước được nâng cao.

Coi trọng phương châm “ Đi vay để tín dụng” tập trung nhiều biện pháp khác nhau nhằm tăng trưởng nguồn, đáp ứng từng bước nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

NHNo&PTNT huyện Vân Đồn trong 3 năm qua đã đa dạng hóa đối tượng tín dụng, triển khai và mở rộng công tác tín dụng tới mọi thành phần kinh tế hộ gia đình. Từ chỗ tín dụng hộ nuôi trồng thủy hải sản có giá trị kinh tế cao như: nuôi tù hải, nuôi trai lấy ngọc, nuôi cá lồng bè... đến những hộ trồng cây ăn quả, chăn nuôi bò, xây dựng mô hình trang trại trồng rừng...

Kết hợp với cấp uỷ, chính quyền địa phương phát huy tính cộng đồng trách nhiệm bằng hình thức tín dụng qua tổ như: Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh đã tập trung đầu mối khách hàng, nâng cao hiệu quả quản lý, giảm khối lượng công việc cho cán bộ tín dụng và tỷ lệ an toàn vốn cao.

Kết quả nổi bật là dư nợ tín dụng hộ sản xuất ngày càng tăng và duy trì ở mức cao. Khối lượng vốn tín dụng khá lớn, thực hiện đầu tư có trọng điểm. Tỷ trọng dư nợ ngắn hạn trong tổng dư nợ HSX chiếm 43,3%. Đây là một tỷ lệ tương đối cao mà không phải chi nhánh nào cũng có thể đạt được, đặc biệt là NH hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với đặc trưng sản xuất nông nghiệp

theo mùa vụ. Vốn đầu tư trung, dài hạn chiếm 55% tổng dư nợ tín dụng HSX đã đáp ứng nhu cầu vốn của các hộ sản xuất về máy móc thiết bị công tác phục vụ sản xuất... góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp của hộ. Tỷ lệ nợ quá hạn thấp trong nhiều năm so với chi nhánh khác, tỷ lệ nợ quá hạn chung chỉ dưới 1%, tỷ lệ nợ quá hạn HSX trung bình khoảng 0,23% trong khi dư nợ tín dụng không ngừng mở rộng.

Số lượt hộ vay trong năm của NH tăng dần trong 3 năm. Điều này đồng nghĩa với việc NH quan tâm tới việc tạo cơ sở nâng cao hiệu quả tín dụng hộ sản xuất, nâng cao doanh số tín dụng bình quân mỗi lượt vay của hộ sản xuất và nâng tổng số hộ vay còn dư nợ NH ngày càng tăng.

2.4.2. Những mặt còn tồn tại

Định thời hạn tín dụng và kỳ hạn nợ chưa thật sự hợp lý, chưa căn cứ vào chu kỳ sản xuất kinh doanh. Việc thu nợ gốc vào cuối kỳ hạn nợ không tạo cho khách hàng thói quen trả nợ. Quá trình thẩm định, tái thẩm định chưa được cán bộ tín dụng tuân thủ tuyệt đối theo quy định, cả cán bộ lẫn khách hàng vay vốn đều không biết chắc chắn về khả năng sinh lời của dự án và không lường hết được rủi ro của dự án.

Chi phí trên món vay còn cao, nhất là đối với món vay nhỏ. Mức lãi suất tín dụng định ra chưa linh hoạt.

Trình độ cán bộ tín dụng mặc dù đã không ngừng nâng cao song vẫn còn một số các bộ phận chưa nhận thức đầy đủ về hoạt động ngân hàng trong cơ chế thị trường, còn mang tư tưởng hành chính, bao cấp, trình độ nghiệp vụ, phong cách giao dịch chưa đáp ứng được nhu cầu của khách hàng như: CBTD rất ít tư vấn cho khách hàng trong khi nhu cầu tư vấn của họ là rất lớn do trình độ thấp, thiếu kinh nghiệm sản xuất. Ngoài ra, cán bộ tín dụng vẫn chịu tâm lý nặng nề về việc phải chịu rủi ro tín dụng, do đó không phát huy hết năng lực và khả năng tín dụng của mình.

Ngân hàng hầu như không có những sản phẩm hay chính sách để khuyến khích khách hàng trả nợ đúng hạn nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng.

Công tác xây dựng đề án kinh doanh của cán bộ từng địa bàn còn chung chung. Một số phòng tổ xử lý công việc chưa đến nơi đến chốn, còn biểu hiện khuynh hướng né tránh, sợ trách nhiệm. Thủ tục xét duyệt hồ sơ xin vay chưa nhanh chóng do cán bộ tín dụng tác nghiệp trên máy còn hạn chế.

Công tác kiểm tra - kiểm toán nội bộ đôi khi còn buông lỏng, chất lượng thấp. Việc sửa sai sau kiểm tra còn chậm và thiếu dứt điểm, xử lý thiếu kiên quyết đối với cán bộ vi phạm, thương cán bộ một chiều, làm hạn chế hiệu lực của công tác kiểm tra - kiểm toán và ảnh hưởng chất lượng hoạt động kinh doanh.

2.4.3 Nguyên nhân của tồn tại

2.4.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Môi trường kinh doanh chưa ổn định: nền kinh tế Việt Nam chuyển sang cơ chế thị trường tuy đã được gần 30 năm nhưng do trình độ của nhiều hộ nông dân còn yếu kém nên không bắt kịp được những thay đổi của nền kinh tế thị trường. Mặt khác, sự hỗ trợ của Nhà nước về vốn, công nghệ, cơ sở hạ tầng trong nông nghiệp, nông thôn còn thấp kém, mạng lưới cung cấp nguyên liệu đầu vào, thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa phát triển đã ảnh hưởng nhiều đến sản xuất của các HSX vay vốn của NH.

- Hoạt động tín dụng tại NHNo huyện Vân Đồn trong lĩnh vực nông, ngư nghiệp với khách hàng chủ yếu là HSX nông nghiệp với quy mô nhỏ, địa bàn huyện đảo đi lại gặp nhiều khó khăn, trình độ quản lý thấp, tiếp cận thiết bị tiên tiến còn bị hạn chế. Do đó ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình sản xuất kinh doanh của HSX.

2.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Do phương thức tín dụng còn nghèo nàn, chủ yếu là tín dụng theo món, phương thức tín dụng theo hạn mức tín dụng có áp dụng song rất ít. Bên cạnh đó hình thức tín dụng thực tế áp dụng tại Ngân hàng cũng rất hạn chế, chủ yếu là hình thức bán lẻ, tín dụng trực tiếp.

Có sự quá tải công việc đối với cán bộ tín dụng vì bình quân mỗi CBTD phụ trách quá nhiều món vay, dẫn đến cán bộ tín dụng nhiều khi kiểm tra hồ sơ thiếu chặt chẽ, thiếu kiểm tra, đối chiếu thực tế, nhưng có lúc lại quá thận trọng dẫn đến mất nhiều cơ hội trong kinh doanh có lợi cho ngân hàng. Mặt khác cơ chế giải ngân, thu nợ trực tiếp cũng là nguyên nhân gây quá tải đối với cán bộ tín dụng.

Thông tin phòng ngừa rủi ro trong hoạt động tín dụng chưa được quan tâm sử dụng một cách tối ưu. Các dữ liệu trong vi tính, thông tin từ các phương tiện báo chí, các cuộc hội thảo khoa học trong và ngoài nước chưa được khai thác

triệt để phục vụ quản lý, điều hành của các cấp lãnh đạo cũng như của cán bộ tín dụng.

Công tác kiểm tra kiểm soát chưa phát huy hết vai trò, chưa thường xuyên, chưa sâu sát, và nghiêm túc cả về nội dung và phương pháp.

Trình độ đội ngũ cán bộ ngân hàng nhất là cán bộ tín dụng không đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của hoạt động kinh doanh ngân hàng. Cán bộ tín dụng nhiều khi sử dụng kinh nghiệm truyền thống hơn là dựa trên những phân tích tài chính và kỹ thuật để thẩm định dự án.

CBTD thực hiện quy trình nghiệp vụ tín dụng còn sai sót, điều tra ban đầu chưa sát với thực tế dẫn đến tín dụng không đúng nhu cầu, định kỳ hạn nợ tùy tiện gây khó khăn cho sản xuất hoặc trả nợ ngân hàng của khách hàng, sự hiểu biết về kinh tế kỹ thuật nông, lâm, ngư diêm nghiệp còn hạn chế.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TẠI NHNo&PTNT HUYỆN VÂN ĐỒN - QUẢNG NINH

3.1. Phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015 – 2020

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã thực hiện được trong nhiệm kỳ 2010 – 2015, đồng thời khắc phục những tồn tại, thực hiện tốt công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế thế giới, đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước trên mọi lĩnh vực. Góp phần xây dựng huyện đảo Vân Đồn ngày càng giàu đẹp.

Căn cứ định hướng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện đảo đến năm 2020. Chi bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Vân Đồn xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của NH 2015 – 2020

3.1.1. Mục tiêu tổng quát

Giữ vững và phát huy vị thế của một NHTM Nhà Nước có vai trò chủ đạo, chủ lực trên thị trường tiền tệ ở khu vực nông thôn, thực hiện tích cực các giải pháp theo chỉ đạo của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước. Góp phần ngăn chặn suy giảm kinh tế, ngăn ngừa lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức hợp lý, đảm bảo cân đối an toàn và nâng cao năng lực tài chính, phát huy giá trị thương hiệu trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện văn hoá doanh nghiệp.

Đáp ứng vốn cho nhu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp nông thôn theo chủ trương tam nông của Đảng và Chính phủ. Góp phần thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện đảo.

Mở rộng và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tập trung đầu tư đào tạo nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ NH theo hướng hiện đại đủ năng lực cạnh tranh và hội nhập

3.1.2. Mục tiêu chính trong nhiệm kỳ tới

Huy động nguồn vốn tăng trưởng bình quân hàng năm từ 12 -15%

Dư nợ đầu tư cho vay tăng trưởng bình quân hàng năm từ 8 – 10 %

Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ: đảm bảo theo tỷ lệ cho phép của ngành dưới 3%

Thu dịch vụ tăng bình quân hàng năm từ 15 -20%

Tăng thu tài chính bình quân hàng năm từ 8 – 10%

3.2. Định hướng công tác tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh.

Để phát huy những kết quả đã đạt được NH No&PTNT Việt Nam đã đề ra mục tiêu chung đến năm 2020 là: *“Phải thực sự trở thành lực lượng chủ đạo và chủ lực trong vai trò cung cấp tín dụng cho đầu tư phát triển nông nghiệp và nông thôn CNH-HĐH phù hợp với chính sách, mục tiêu của Đảng và Nhà nước trong từng giai đoạn. Mở rộng hoạt động một cách vững chắc, an toàn, có quy mô vốn tự có đủ lớn, áp dụng công nghệ tin học, cung cấp các dịch vụ và tiện ích thuận lợi, thông thoáng đến với mọi loại hình doanh nghiệp và dân cư ở thành phố, thị xã, tụ điểm kinh tế nông thôn, nâng cao và duy trì khả năng sinh lời, phát triển và bồi dưỡng nguồn nhân lực để có đủ sức cạnh tranh và thích ứng nhanh chóng quá trình hội nhập”*.

Căn cứ định hướng phát triển chung của ngành, NH No&PTNT Vân Đồn đề ra định hướng cụ thể của chi nhánh là:

Thứ nhất: Bám sát mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương, Ngân hàng chủ động kịp thời nắm bắt nhu cầu đầu tư, dự án đầu tư, đối tượng đầu tư ở từng vùng, từng xã để thực hiện đầu tư có trọng điểm và có hiệu quả góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch....

Thứ hai: Gắn tín dụng với đầu tư phát triển nông thôn qua quá trình liên kết các thành phần kinh tế, áp dụng khoa học tiến bộ kỹ thuật chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khép kín đầu tư từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu.

Thứ ba: Giảm thấp nợ xấu và nợ cần chú ý theo phương châm “An toàn để phát triển, phát triển phải an toàn”.

Thứ tư: Giữ vững và phát triển các phong trào thi đua. Phân đấu tăng doanh thu, giảm chi phí đảm bảo quỹ thu nhập, quỹ tiền lương theo chế độ quy định.

3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng hộ sản xuất tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.

Để đáp ứng thoả mãn nhu cầu vốn cho kinh tế hộ sản xuất, NHNo&PTNT huyện Vân Đồn cần phải tăng cường hơn nữa việc quảng bá trên mọi phương tiện thông tin để thu hút tiền gửi dân cư và các tổ chức xã hội, nên phân loại khách hàng gửi tiền để động viên, khuyến khích thêm về lợi ích vật chất đối với những khách hàng truyền thống gửi tiền với số lượng lớn và tạo ra mối quan hệ gắn bó giữa khách hàng với Ngân hàng.

Từ thực trạng chất lượng tín dụng tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn trong thời gian qua, với các biện pháp mà Ngân hàng đã thực hiện, để hoàn thành tốt mục tiêu hoạt động trong thời gian sắp tới, với nội dung nghiên cứu của đề tài này, em xin được đưa ra một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng tín dụng hộ sản xuất tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn như sau:

3.3.1. Đảm bảo nguyên tắc và quy trình tín dụng.

Việc chấp hành nguyên tắc và quy trình tín dụng của CBTD là nguyên nhân các chỉ tiêu định tính đánh giá hiệu quả tín dụng của NH có thực hiện được hay không? Chính vì thế việc chấp hành các quy định, các văn bản của luật các tổ chức tín dụng, các quy định của bản thân mỗi NH khi tín dụng cần phải được tuân thủ.

Cần nâng cao chất công tác thẩm định khách hàng. Giải pháp này thực hiện tốt sẽ tạo cơ sở chắc chắn cho việc quyết định tín dụng. Thực hiện tốt công tác này sẽ hạn chế sự không cân xứng về thông tin khách hàng, giúp ngân hàng lựa chọn khách hàng để cho vay,...

Việc phân tích tín dụng trong thời gian qua tại NHNo&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn mới chỉ thực hiện trên cơ sở của hồ sơ vay vốn, phỏng vấn khách hàng vay chứ chưa chú trọng trong việc thu thập thông tin từ bên ngoài và trong nội bộ ngân hàng. Như vậy cần tạo lập đầy đủ cơ sở cho việc thu thập thông tin.

Đa số khách hàng của Ngân hàng là hộ gia đình nên việc đánh giá năng lực tài chính của khách hàng chủ yếu cần xem xét về mức thu nhập, tính ổn định của thu nhập, tránh trường hợp phân kỳ hạn nợ thiếu chính xác, là nguyên nhân dẫn đến đọng vốn, đồng thời tránh trường hợp đánh giá sai về khả năng tài chính của khách hàng.

Tập trung cho việc phân tích môi trường kinh doanh, nhất là đối với điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội, chính trị của địa bàn còn thuần tuý là nông – ngư nghiệp.

3.3.2. Xác định nhóm khách hàng chiến lược.

Đầu tư vốn tập trung có trọng điểm, đối với những khách hàng thuộc những ngành, vùng có tiềm năng lớn và phát triển bền vững. Một nguyên tắc quan trọng để tránh rủi ro của ngân hàng khi thực hiện tín dụng đối với khách hàng là: “Đòi hỏi phải tiến hành kinh doanh một cách thận trọng”, vì vậy Ngân hàng phải chọn lọc khách hàng một cách kỹ lưỡng.

Ngân hàng cần tập trung và tiếp tục đầu tư vào các hoạt động sản xuất có hiệu quả cao như nuôi trồng thuỷ hải sản, chăn nuôi gia súc: trâu, bò, lợn, gà,..., trồng rừng,...khôi phục và phát triển cho vay và phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề truyền thống của vùng miền như chế biến thuỷ hải sản, các ngành dịch vụ,...

Mạnh dạn đầu tư vốn vào vùng trọng điểm có tính chiến lược lâu dài, những phương án, dự án lớn có tính khả thi cao, mở rộng đầu tư cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời nâng tỷ trọng đầu tư vốn cho hộ sản xuất để phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế lâu dài của địa phương.

Hộ sản xuất là đối tượng khách hàng lớn của ngân hàng, là nguồn khách hàng đa dạng, tập trung ở nhiều ngành nghề khác nhau như nông – lâm – ngư – diêm nghiệp, thương mại dịch vụ,... với trình độ dân trí, hiểu biết kinh doanh khác nhau nên các phương thức cho vay cũng cần phải phù hợp vào tình hình của từng ngành nghề cho phù hợp.

Ví dụ, với nông nghiệp, ngư nghiệp, ngân hàng cần xây dựng các phương án ngắn hạn, có các hỗ trợ giúp người nông dân sử dụng vốn vay để mua giống, thức ăn chăn nuôi,... còn các ngành như lâm nghiệp, ngân hàng cần xây dựng các phương án dài hạn để giúp người dân mua giống trồng rừng, mua đất canh tác.

Hỗ trợ cho vay vốn không có tài sản đảm bảo. Theo đó, các khách hàng là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn nông thôn, hợp tác xã, chủ trang trại được cho vay không có bảo đảm bằng tài sản để thực hiện phương án hoặc dự án sản xuất, kinh doanh thuộc các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo các mức:

- Tối đa đến 50 triệu đồng đối với đối tượng là các cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp.
- Tối đa đến 200 triệu đồng đối với các hộ kinh doanh, sản xuất ngành nghề hoặc làm dịch vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn.
- Tối đa đến 500 triệu đồng đối với các hợp tác xã, chủ trang trại trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Hiện nay, NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Vân Đồn chủ yếu cho vay theo hạn mức tín dụng, phù hợp với các hộ vay vốn thường xuyên, có sự tín nhiệm của ngân hàng, cho phép khách hàng duy trì một hạn mức tín dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh, với thủ tục vay đơn giản..

Tuy nhiên đối với các hộ vay vốn không thường xuyên thì hình thức vay này không phù hợp. Thay vào đó đối với khách hàng vay không thường xuyên, chi nhánh nên tổ chức cho vay từng lần giúp đơn giản các thủ tục cho vay. Ngoài ra đối các ngành nông nghiệp có vùng chuyên canh trồng lúa (xã Hạ Long, xã Vạn Yên,..), hay vùng tập trung nuôi trồng thủy hải sản (xã Quan Lạn, xã Ngọc Vũng, xã Minh Châu, thị trấn Cái Rồng,...) ngân hàng có thể tiến hành cho vay lưu vụ, giúp hộ sản xuất không mất thời gian để làm lại các thủ tục vốn vay ừ đầu, tạo điều kiện cho các hộ chủ động về vốn, giảm các chi phí khi vay vốn và các thủ tục phức tạp khác.

3.3.3. Áp dụng các biện pháp phân tích hoạt động kinh tế trong quy trình tín dụng.

Cán bộ tín dụng Ngân Hàng No&PTNT Vân Đồn đôi khi sử dụng kinh nghiệm truyền thống trong quá trình phân tích hiệu quả tín dụng. Do đó, hiệu quả tín dụng không đảm bảo. Để giải quyết vấn đề này ngân hàng phải thực hiện các biện pháp sau:

- Nâng cao chất lượng thẩm định dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh của hộ xin vay vốn, thực hiện nghiêm túc quá trình thẩm định trước khi ra quyết định tín dụng.
- Ngân hàng yêu cầu CBTD thực hiện tốt quy trình thẩm định dự án như: cơ sở pháp lý của phương án hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của dự án, hiệu quả của phương án, xác định luồng tiền trong thời gian thực hiện, thị trường cung nguyên nhiên vật liệu, thị trường tiêu thụđặc biệt đối với ngành nuôi, đánh bắt hải sản vì đây là đối tượng tín dụng chính của NH

No&PTNT Vân Đồn.

- Với các món vay nhỏ cần áp dụng các thủ tục riêng để thẩm định làm cho hoạt động phân tích trở lên đơn giản hơn.

3.2.4. Phòng ngừa, hạn chế rủi ro.

Rủi ro là tất yếu trong quá trình kinh doanh, nên phải có cơ chế để chủ động khắc phục nó. Đã kinh doanh là phải chấp nhận rủi ro, kinh doanh tiền tệ lại có mức độ rủi ro gấp nhiều lần so với các loại hình kinh doanh khác, bởi kết quả kinh doanh ngân hàng không những phụ thuộc vào các yếu tố như ở các doanh nghiệp bình thường vẫn có, mà còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của khách hàng (đặc biệt là khách hàng vay vốn), rủi ro trong kinh doanh của khách hàng cuối cùng dẫn đến rủi ro của ngân hàng.

Chính vì thế, NH luôn phải duy trì tổ chức phân tích tình hình dư nợ đến từng xã, từng cán bộ và từng khách hàng. Qua việc phân tích xác định rõ món vay có vấn đề, nợ quá hạn theo mức độ khác nhau, xác định xã trọng điểm, khách hàng trọng điểm để từ đó có các biện pháp phòng ngừa cũng như khắc phục rủi ro.

Đa dạng hoá danh mục cho vay để phân tán rủi ro, có thể theo đối tượng vay, mục đích và lĩnh vực sử dụng vốn vay, thời hạn cho vay, loại tiền cho vay, chú trọng cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ, mạnh mẽ đầu tư cho hộ sản xuất kinh doanh dịch vụ, các hộ nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, các ngành nghề là thế mạnh của vùng như: nuôi trồng các loại thủy - hải sản có giá trị kinh tế cao như tù hải, ngọc trai, bào ngư, cá song, sứa...nên Ngân hàng cần chú trọng cho vay lĩnh vực này để tăng thêm lợi nhuận cho mình.

Cán bộ tín dụng cần xem xét kỹ lưỡng trong khâu thẩm định cho vay để hạn chế nợ quá hạn, có tinh thần trách nhiệm cao khi xem xét cho vay, nâng cao kiến thức về thị trường, giá cả hàng hoá. Cụ thể:

- Để hạn chế nợ quá hạn thì cán bộ tín dụng phải theo dõi vốn vay của nông dân có đúng mục đích như đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng vì nông dân ít khi vay tiền về mà họ sử dụng hết vào sản xuất, họ sẽ trích một phần vào tiêu dùng vì vậy cán bộ tín dụng cần chia nhiều lần nhận nợ để đảm bảo vốn vay sử dụng đúng mục đích.
- Phân loại nợ quá hạn theo nguyên nhân, cần nghiêm túc làm rõ nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan dẫn đến nợ quá hạn để có hướng xử lý

thích hợp cho từng món. Trong thù hồi nợ quá hạn cán bộ tín dụng phải biết khuyến khích, động viên khách hàng tìm nguồn thu khác để trả nợ.

- Cán bộ tín dụng cần phải bám sát địa bàn để biết được những hộ có khả năng trả nợ mà cố tình dây dưa không trả nợ, như vậy Ngân hàng nên khởi kiện khách hàng này, đồng thời phân tích cho họ hiểu là khi đưa ra khởi kiện thì họ tốn rất nhiều chi phí và thiệt hại sẽ về họ. Có như vậy công tác thu nợ của Ngân hàng sẽ được thuận lợi và có hiệu quả.

3.2.5. Duy trì mối quan hệ thường xuyên giữa NH với khách hàng.

Hiện nay trên địa bàn huyện Vân Đồn ngoài NHNo&PTNT chi nhánh huyện Vân Đồn ra còn có 3 NHTM khách là Vietinbank, Maritimebank, SHBank, chính vì thế có sự cạnh tranh khách hàng giữa các ngân hàng với nhau, tuy nhiên nhu cầu của các khách hàng ngày càng cao đòi hỏi các ngân hàng phải hoàn thiện hơn.

Chính vì vậy, chăm sóc khách hàng phải được NHNo&PTNT huyện Vân Đồn đặt lên hàng đầu nhằm giữ chân khách hàng truyền thống và thu hút thêm khách hàng mới. Chăm sóc khách hàng tốt phải thể hiện được qua 3 yếu tố:

- Sản phẩm tốt: Tích cực tư vấn, thu hút khách hàng sử dụng các sản phẩm dịch vụ truyền thống hiện đang là thế mạnh của chi nhánh, có số lượng khách hàng sử dụng lớn (thu ngân sách, chuyển tiền trong nước, thanh toán hoá đơn,...). Mở rộng và đa dạng các loại hình tín dụng.

- Phong cách phục vụ: Phong cách phục vụ được thể hiện từ những biểu hiện nhỏ như: một lời chào trân trọng, một lời cảm ơn hay xin lỗi chân thành, một thái độ làm việc tích cực,...tất cả những yếu tố đó tạo nên phong cách làm việc chuyên nghiệp, để lại cho khách hàng nhiều ấn tượng tốt đẹp về ngân hàng.

- Khả năng tư vấn khách hàng: Tư vấn để khách hàng sử dụng các sản phẩm ngân hàng phù hợp, tư vấn để được lợi ích hài hoà giữa khách hàng và ngân hàng nhằm tăng lợi ích cho khách hàng và hạn chế rủi ro cho ngân hàng.

Mở rộng quan hệ bạn hàng với tinh thần hợp tác, thực hiện cơ chế lãi suất thoả thuận trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Tranh thủ nguồn vốn tiền gửi không kỳ hạn của các tổ chức kinh tế đặc biệt là Kho bạc nhà nước, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Công ty xăng dầu, Công ty điện lực.....

Để mở rộng kinh doanh của mình thì bên cạnh việc tìm kiếm mở rộng, định hướng khách hàng tương lai, ngân hàng cần củng cố, phát triển tích cực, tạo

mối quan hệ mật thiết với khách hàng truyền thống và tìm kiếm những khách hàng tiềm năng ở các lĩnh vực, cho vay dựa theo phương án sản xuất có hiệu quả.

Đối với khách hàng vay thường xuyên, khách hàng truyền thống của mình, ngân hàng cần có các chính sách hỗ trợ, ưu đãi về lãi suất cho vay, giảm thiểu các thủ tục vay vốn, cung cấp các sản phẩm dịch vụ tiện ích kèm theo.

Khi khách hàng gặp khó khăn trong việc hoàn trả vốn vay, ngân hàng có thể linh động gia hạn thêm thời hạn trả nợ, có quà tặng tri ân khách hàng nhân các ngày lễ lớn trong năm để duy trì mối quan hệ bạn hàng tốt đẹp này.

Đối với khách hàng vay vốn lần đầu; các cán bộ tín dụng cần tích cực giúp đỡ họ hoàn thành các thủ tục vay vốn, giải quyết các thắc mắc cho khách hàng.

Cán bộ tín dụng nên trực tiếp xuống địa bàn cho vay vốn để thu nợ, lãi vay hoặc định kỳ tổ chức các cuộc giao lưu, tư vấn với hộ sản xuất ở các thôn, xã để củng cố, duy trì uy tín của ngân hàng cũng như giúp đỡ khách hàng mất cảm giác lo sợ khi vay vốn cũng như tâm lý ngại vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh

Mở rộng mạng lưới cho vay, nhất là các xã miền núi, vùng sâu vùng xa trong huyện như: Vạn Yên, Đái Xuyên, Bình Dân,... các xã đảo như Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng,... với điều kiện đi lại khó khăn nên công tác tiếp cận nguồn vốn chưa đạt hiệu quả cao, chính vì vậy Ngân hàng cần kết hợp với chính quyền địa phương, các chủ tịch xã, thôn trưởng, các đoàn thể phổ biến khoa học kỹ thuật nông – lâm – ngư nghiệp để phát triển mô hình kinh tế phù hợp, góp phần giúp Ngân hàng tăng doanh số cho vay.

3.2.6. Công tác kiểm tra, kiểm toán.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn tiêu cực phát sinh, xử lý kịp thời các sai phạm. Thực hiện tốt các khâu kiểm tra trước, trong và sau khi tín dụng theo quy định tín dụng tại quy chế tín dụng đối với khách hàng của NHNo Việt Nam. Thực hiện nguyên tắc “Chất lượng tín dụng hơn mở rộng tín dụng”.

Bổ trí cán bộ có đủ năng lực, trình độ nghiệp vụ làm công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Tăng cường bộ máy kiểm soát ở các khâu trong việc thực hiện quy trình tín dụng nhằm ngăn chặn kịp thời sai sót trong công tác tín dụng.

Đối với kiểm tra trước khi cho vay phải đạt được yêu cầu lựa chọn khách hàng đủ điều kiện vay vốn, kiểm tra tính khả thi của dự án, phương án, phải xây dựng được bộ hồ sơ đầy đủ tính pháp lý, có đủ cơ sở kinh tế để bảo vệ được ngân hàng khi cần thiết.

Đối với kiểm tra trong khi cho vay phải gắn trách nhiệm người quyết định tín dụng đối với sự an toàn vốn.

Đối với kiểm tra sau khi cho vay phải thực hiện thường xuyên nhằm quản lý vốn để khách hàng sử dụng đúng mục đích kiểm tra hiệu quả vốn vay để giám sát kế hoạch trả nợ của khách hàng.

Việc kiểm tra sau khi cho vay thực hiện cả với tài sản bảo đảm để xác định phạm vi bảo đảm của tài sản luôn phù hợp với dư nợ của khách hàng. Nếu phát hiện những dấu hiệu không bình thường từ phía khách hàng sẽ phải có ngay những biện pháp cụ thể để xử lý.

Khách hàng của NHNo&PTNT huyện Vân Đồn rất nhỏ lẻ, vì vậy công tác kiểm tra, giám sát tín dụng nhiều năm qua thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu vẫn là kiểm tra tín dụng theo chuyên đề của ngân hàng cấp trên.

Chính vì thế cần phải phân công cụ thể trong điều hành cho các Phó giám đốc, đảm bảo có người phụ trách tín dụng, có người phụ trách kiểm tra. Qua đó nâng cao vai trò của quản lý điều hành.

Xây dựng một quy chế điều hành rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý từ phòng, tổ trở lên.

Phân quyền phán quyết cho vay cụ thể nhằm quy tụ được đầu mối quản lý. Phân công bộ phận thẩm định độc lập nhằm kiểm tra, giám sát những khoản vay theo quy định phải qua bộ phận thẩm định.

Thực hiện việc kiểm tra tín dụng thông qua việc đổi địa bàn theo định kỳ, một địa bàn không nên để cán bộ tín dụng phụ trách quá lâu vì những sai phạm do chủ quan sẽ khó bị phát hiện. Tối thiểu phải kiểm tra chuyên đề tín dụng được một năm 2 lần. Thực hiện việc kiểm tra tín dụng độc lập từ phía lãnh đạo để có những biện pháp tăng cường cho những địa bàn, khách hàng có chất lượng tín dụng yếu kém.

3.2.7. Nâng cao trình độ cán bộ tín dụng.

Thực tế tại địa bàn nông nghiệp nông thôn, CBTD gặp nhiều khó khăn do trình độ nhận thức của người dân còn nhiều hạn chế. Nhiều khi nhận được khoản

vay mà họ không biết phải sử dụng thế nào là hiệu quả nhất vì thế đòi hỏi CBTD phải có sự am hiểu cần thiết, trau dồi kiến thức khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp từ đó tư vấn, gợi ý và hướng dẫn họ sản xuất.

Vì thế cần có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ tín dụng tại các trường đại học hoặc theo các lớp ngắn ngày do NHNo&PTNT Việt Nam tổ chức để nâng cao trình độ nghiệp vụ và kiến thức thị trường. Thường xuyên tập huấn nghiệp vụ tại NHNo tỉnh hoặc NHNo huyện để cán bộ nâng cao trình độ xây dựng và thẩm định dự án, hướng dẫn hộ vay xây dựng phương án dự án vay vốn.

Cần thay đổi và bố trí cán bộ trẻ, có chuyên môn, năng lực tiếp thị giỏi, nhanh nhạy trong việc sử dụng công nghệ, giao tiếp tốt, năng động để thu hút khách hàng đến với Ngân hàng.

Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, thay đổi về lề lối làm việc, tác phong giao dịch, có như vậy mới nâng cao uy tín, vị thế của ngân hàng trên địa bàn huyện, đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng trước sự đổi mới không ngừng của nền kinh tế.

3.4. Một số điều kiện thực hiện giải pháp nâng cao hiệu quả tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.

3.4.1. Có sự phối hợp của cấp ủy, chính quyền địa phương và các đoàn thể.

Cấp ủy, chính quyền địa phương và các đoàn thể có vai trò hết sức quan trọng trong việc tín dụng của ngân hàng đối với việc phát triển kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, từ khi xác định dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương đến xét duyệt tín dụng, đôn đốc trả nợ và xử lý các trường hợp vi phạm qui chế tín dụng.

Vì vậy trong định hướng kinh doanh của mình, Ngân hàng nông nghiệp Vân Đồn đã xác định phải tăng cường tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của cấp ủy và chính quyền địa phương cũng như các tổ chức đoàn thể.

Cần phải kết hợp chặt chẽ hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh,... để truyền tải vốn cho vay theo tổ nhóm tín chấp với món vay nhỏ, các ưu đãi, chương trình khuyến mãi của ngân hàng,...

3.4.2. Có chế độ ưu đãi lãi suất và các sản phẩm khuyến khích.

Ngân hàng đưa ra nhiều mức lãi suất linh hoạt ứng với mức tiền vay cụ thể, từng loại hình sản xuất kinh doanh, từng đối tượng khách hàng cụ thể. Bên cạnh đó, NH có thể dùng một phần quỹ khen thưởng để thưởng cho các doanh

ng nghiệp có số dư trên tài khoản lớn, thường cho các cá nhân vận động được khách hàng là doanh nghiệp có quan hệ tiền gửi tiền vay lớn.

3.5. Một số đề xuất, kiến nghị

3.5.1. Kiến nghị đối với NHNo&PTNT Việt Nam.

Kiến nghị với NHNo&PTNT Việt Nam cần có chính sách lãi suất ưu đãi tín dụng đối với hộ sản xuất nông nghiệp ở nông thôn.

Thủ tục tín dụng cần đơn giản và chặt chẽ, không nên quá nhiều giấy tờ phiền hà cho khách hàng vì khách hàng của NHNo chủ yếu là nông thôn với trình độ dân trí còn hạn chế.

NHNo&PTNT Việt Nam cần có biện pháp, cơ chế quản lý thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ và quy định cụ thể đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động kinh doanh tín dụng NH, phải thực hiện đúng theo một cơ chế tín dụng chung của NH nhà nước không được hạ thấp tiêu chuẩn tín dụng để cạnh tranh giành giật khách hàng.

3.5.2. Kiến nghị đối với NHNo&PTNT huyện Vân Đồn.

Công tác chỉ đạo điều hành cần phát huy hơn nữa sự năng động, sáng tạo. Bám sát phương hướng, kế hoạch của huyện, xã. Xác định thị trường chính là nông nghiệp nông thôn, đối tượng chính là đầu tư kinh tế hộ.

Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, nhân viên (nhất là CBTD) có kiến thức sâu rộng về cơ chế thị trường, những kiến thức về khoa học kỹ thuật liên quan đến hoạt động NH, bồi dưỡng kiến thức pháp luật.

Tăng cường cơ sở vật chất, cần mở rộng mạng lưới giao dịch gần dân như mở thêm điểm giao dịch tại các khu vực đông dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho bà con trong quan hệ giao dịch với NH.

Thực hiện đơn giản hoá hồ sơ thủ tục, giảm phiền hà, dễ hiểu và thuận lợi trong sử dụng, tận tình hướng dẫn khách hàng, tập huấn cho các tổ vay vốn và cả hộ nông dân trên cơ sở đó việc tín dụng được thuận lợi hơn; mở rộng hình thức tín dụng lưu vụ đối với hộ nông nghiệp, trồng cây công nghiệp chuyên canh, trồng rừng, nghề cá áp dụng phương thức tín dụng hạn mức tín dụng; tín dụng theo mô hình kinh tế tổng hợp.

3.5.3. Kiến nghị đối với chính quyền địa phương

Đối với Chính phủ và các Bộ: cần sớm ban hành các văn bản pháp luật về xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi vốn và có những biện pháp hỗ trợ công tác này

được tiến hành thuận lợi, nhanh chóng, đảm bảo nguồn vốn hoạt động cho ngân hàng.

Chính quyền địa phương cần phát huy tốt vai trò hỗ trợ cho Ngân hàng trong việc cung cấp thông tin về khách hàng trong hồ sơ cho vay vốn của khách hàng, xem xét và quản lý chặt chẽ hơn khi xác nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để khách hàng thế chấp xin vay vốn của Ngân hàng người dân có điều kiện tiếp cận đồng vốn vay ngân hàng, đặc biệt là vốn trung và dài hạn, cũng như giúp đỡ ngân hàng trong việc đôn đốc khách hàng trả nợ và phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ quá hạn.

Thực hiện chính sách ưu đãi trong phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Quan tâm, đầu tư ngân sách cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên cũng như thực tế của địa phương và nhu cầu xã hội.

KẾT LUẬN

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là một NHTM nhà nước hoạt động với tôn chỉ, mục đích không chỉ vì lợi nhuận mà NHNo&PTNT còn luôn chú trọng quan tâm tới các mục tiêu chính sách xã hội, đặc biệt là việc tín dụng hộ nông dân nói chung và hộ nông dân nghèo vay vốn tổ chức sản xuất.

Xét về lợi ích của bản thân NHNo&PTNT Việt Nam thì hoạt động tín dụng nói chung và tín dụng hộ sản xuất nói riêng là một hoạt động mang lại thu nhập lớn cho Ngân hàng. Do đó, việc mở rộng và nâng cao hiệu quả tín dụng hộ sản xuất là yếu tố cốt yếu, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu vì mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận, đảm bảo sự tồn tại, ổn định và phát triển của chi nhánh cũng như của toàn hệ thống.

Mặc dù qua quá trình học tập tại trường cộng với khoảng thời gian ngắn thực tập tại NHNo&PTNT chi nhánh Huyện Vân Đồn - tỉnh Quảng Ninh, đặc biệt được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo –ThS. Nguyễn Thị Tình và cán bộ của NHNo&PTNT chi nhánh Vân Đồn, em đã tiếp thu được những kiến thức lý luận cơ bản và những kinh nghiệm thực tế nhất định để hy vọng đóng góp một phần nhỏ kiến thức của mình vào lĩnh vực nghiên cứu này.

Song do trình độ còn hạn chế nên chuyên đề mới chỉ đưa ra được một số giải pháp và kiến nghị chưa thật cụ thể. Tuy vậy em vẫn hy vọng những giải pháp, kiến nghị này được Ngân hàng lưu tâm, trên cơ sở đó nghiên cứu thêm để có thể ứng dụng trong thực tế, từng bước nâng cao hiệu quả tín dụng hộ sản xuất.

Chuyên đề này đã góp phần giải quyết 3 vấn đề :

- Khái quát chung về cơ sở lý luận tín dụng NHTM
- Khái quát thực trạng hoạt động tín dụng nói chung và hoạt động tín dụng hộ sản xuất nói riêng tại địa bàn, rút ra được các hạn chế, nêu ra được các giải pháp khắc phục.
- Trên cơ sở tồn tại rút ra, nêu ra các giải pháp để từ đó nâng cao được hiệu quả hoạt động tín dụng hộ sản xuất tại địa bàn.

Cuối cùng, một lần nữa em xin trân trọng cảm ơn cô giáo - ThS Nguyễn Thị Tình. Xin cảm ơn Ban giám đốc cùng toàn thể các cô, chú, anh chị công tác

tại NHNo&PTNT chi nhánh Vân Đồn đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Vân Oanh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 PGS.TS Phan Thị Cúc (2009), *Hệ thống thông tin tài chính ngân hàng*, NXB ĐHQG-TP.HCM
- 2.GS.TS Dương Thị Bình Minh, T.S Sử Đình Thành, *Lý thuyết tài chính tiền tệ*, NXB Thống kê.
- 3.Nguyễn Văn Ngọc, *Lý thuyết thị trường tài chính và chính sách chung về tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân
- 4.Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng, Học viện Ngân hàng.
- 5.NGUYỄN, TS. Tô Ngọc Hưng (2009), *Giáo trình Ngân hàng thương mại*, NXB Thống kê, Hà Nội.
6. PGS.TS Trần Huy Hoàng, *Quản trị ngân hàng thương mại*, NXB Lao động xã hội
- 7.Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X (2010)
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Agribank chi nhánh huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh năm 2012, 2013, 2014
9. Tạp chí Ngân hàng các số năm 2012, 2013, 2014
10. Công nghệ Ngân hàng các số năm 2012, 2013, 2014. Hiệp định thương mại Việt Nam _ Hoa kỳ.
11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam , Đề án phát triển ngành ngân hàng đến 2010 và định hướng đến 2020, và các bài báo có liên quan tại <http://www.sbv.gov.vn>
12. Lê Thị Vân Anh (2007), *Chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của các Ngân hàng Thương mại Việt Nam góp phần phát triển kinh tế trong thời kỳ hội nhập*.